

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TỬ TRÌ KÝ

QUYỂN TRUNG (PHẦN 3 - 2)

Giới thứ ba mươi bốn: Phật ngự tại nước Xá-vệ, có cô gái sắp về nhà chồng, sắp thức ăn để dâng cúng, trải qua một thời gian vợ không trở về, người chồng lấy vợ khác, lại lấy phần thức ăn của người đi buôn đến giữa đường cúng thí bị giặc cướp, do hai duyên này hợp chế một giới. Lệ theo duyên thứ nhất chỉ ở trên nêu tên. Thứ ba trong số chép: tức trong giới bốn không bịnh thọ quá, thì biết khai cho bị bịnh. Thứ tư số chép: trong luận Tát-bà-đa lấy một bát thượng không tội, hai bát là phạm, trung lấy hai bát, hạ lấy ba bát, đều không phạm, quả thì phạm. Một người lấy quả ba bát là phạm, nghĩa là bát hạ, nếu bốn người lấy quả ba bát, ba người trước không phạm, một người sau phạm, trong luật không phạm chừng hai ba bát. Nếu bịnh, hoặc tự đưa đến trong chùa, v.v...

Giới thứ ba mươi lăm: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nói pháp ăn với một oai nghi, nhần đến các Tỳ-kheo tiều tụy, Phật cho phép được lấy ăn no, lại nhân người săn sóc bịnh mà khai các pháp ăn, sau có Tỳ-kheo tham ăn không biết đủ, hề được liền ăn no, do đó mà Phật chế. Duyên đầu có thể đủ tức là chánh thực.

Thứ tư hoặc bịnh hoặc làm pháp ăn dư thì không phạm, thông trong giải thích văn luật chia làm ba.

Ban đầu chỉ bày danh tướng.

Kế nêu năm duyên.

Ban đầu phân biệt về thể của ăn.

2- Phải từng thọ.

3- Nói ăn xong nhiều ít thành ngăn không ngăn, như trong chú giải đã nói.

4- Y cứ vào chế giáo.

5- Y cứ vào chánh phạm.

Hai duyên đồng mà khác, đủ ở sau ba pháp nói về kết phạm, trong luật Tăng-kỳ có nói tám, bốn pháp trên y cứ chung về bốn nghi, không khác với trước, bốn pháp sau y cứ riêng tương ngời, để nói về lìa chỗ, do ngời trên vật chung với đất không phạm. Lại ở sau nêu giường chỉ bày tương, còn đi thuyền thì nêu đồng.

Ban đầu y cứ vào động thân mà nói phạm, như chánh kế ở sau y cứ vào khiêng lên mà nói phạm.

Hỏi: Ngược chỗ, v.v... duyên đã chẳng phải cố làm, đâu được kết phạm?

Đáp: Ở đây có pháp khai, tự có thể tác pháp nên trái mà ăn, không khai lại, trong luật nói: ở trên thuyền, bờ thuyền có chạm gỗ đá, sóng nổi thân lìa chỗ cũ, hoặc ở trên sườn núi, dưới sườn núi (phần nghĩa là sườn núi lớn không bằng nên có lên xuống), hoặc chuyển thân lìa chỗ cũ v.v... Trong luật Ngũ Phần, thứ tư không lợi ích là nói lên cảnh đủ, trong chú giải đầu tiên đưa ra dị chấp. dữ nghĩa là ăn đủ, đây ở sau trách phi pháp. Nay y theo luật Ngũ Phần không thọ duyên lợi ích là nói lấy cảnh đủ, nói thành thật có y cứ, bốn pháp còn lại có thể hiểu. Cõi nước nói ở sau là khai riêng, do cốm là thức ăn chánh tùy theo mỗi nơi thích nghi mà làm. Giải thích duyên đầu tiên trong thể của ăn. Trong luật Thập Tụng có ba, đầu tiên nói năm chánh, bí âm bị đây khác với trước, nên đặc biệt nêu ra (trước dẫn ba loại lại gồm cá thịt là năm loại chánh, tiếng Phạm là bồ xà-ni, Hán dịch là thức ăn chánh, năm thứ giống ở giữa mí âm mi).

Dữ âm đậu, tức hạt lúa cỏ, lầm là lúa mạch, là tiếng Hán, Ca-sư là tiếng Phạn, nghĩa là lúa xay nát thành cơm (do lầm có chỗ nói miến là lẫn lộn ở sau thức ăn tán nhỏ) văn ấy nói năm pháp tương tự, hoặc nói lầm mạch thì nói Ca-sư, hoặc nói Ca-sư thì không nói thố mạch, trong số sao tiếng Hoa, tiếng Phạn đều nêu, ý nói một vật hai tên, năm loại Khư-đà là không đúng, trong bốn loại lúa tẻ là thức ăn chánh, mạch là giống thức ăn, vì xay nhuyễn nên không thuộc loại chánh, sắp về trước luật Thập Tụng nói gồm có mười lăm loại, trong luật Tăng-kỳ đầu tiên nói năm loại chánh. Nói đồng với ở đây tức chỉ trong luật Thập Tụng, trong luật nói cơm rang, cơm gạo tẻ, cá thịt, trong đó không có cơm khô, mà nói đồng với ở đây, do cơm gạo tẻ chính là năm loại giống nhau.

Kế nói năm loại xen với chánh (tức không chánh) đồng với luật Tứ Phần nên dẫn hợp. Khư-xà-ni, Hán dịch là bất chánh (đối với trên trong luật Thập Tụng nói chi tức là cộng, ở đây không có gốc ấy, xứ ấy không có hoa này). Luật Tăng-kỳ trở xuống là nói vật khác, gạo lúa

v.v... đều nói mài làm bánh. Về Hoan Hỷ Hoàn, xưa có chép: Tây Trúc dùng nhiều sữa, dầu, đường phèn làm thành khối, nên gọi là Hoàn, tất cả ở sau lập lại các vật trên để nói không phạm, thịt là thức ăn chánh, nên đặc biệt trừ, khắp nơi riêng chúng, đây là hai giới trước nhân nhau, mà nêu bày đầy đủ tức giới này.

Trong luật Thiện Kiến chỉ bày chung hai thức ăn, khác với trước.

Đầu tiên không chánh duy có trái nên thuộc về cành lá, v.v... thức ăn chánh lại nêu ba tướng, cơm gạo tẻ đồng với mười giới trên.

Cháo ban đầu ở sau nêu lên, giải thích riêng.

Ban đầu nói thức ăn chánh, thuốc cháo đặc nhiều, đực đồng với cơm gạo, cơm thiếu và thể nước chẳng phải cháo loãng, gạo lẫn thịt, cũng y cứ vào cháo, luận do riêng về cháo gạo loãng khai nuốt không phạm, nếu xen ít thịt thuộc về chánh, tất cả ở sau giải thích chẳng phải chánh.

Đầu tiên y cứ vào một thể, do ở sau chỉ bày tướng hòa, ngôn thuyết chánh như gạo cháo, không nói chánh như nói các loại cháo rau quả, ở đây cũng nói về đặc là nói việc đó, nghĩa quyết ở giữa, trước chú giải đã phá, do đời hạnh truyền nên chỉ bày nhiều lần.

Ban đầu lập nghĩa ngăn quấy, luật trở xuống là dẫn quyết.

Ban đầu y theo Tử Phần, Tăng kính Thượng tọa, ni kính đại Tăng.

2- Đủ là chế trái thì có tội, do thọ đầu-đà cả hai đều không phạm, lấy kia quyết đây, chẳng phải nói thẳng văn nên nói là nghĩa. Vì sao trở xuống kể là chỉ luật Tăng-kỳ, trong luật nói thức ăn có tám loại.

1- Tha hồ đủ (ý nói đàn-việt tha hồ cúng dường cho Tỳ-kheo, tôi đã đầy đủ, như vậy lia chỗ ngồi không làm pháp thức ăn dư phạm Ba-dật-đề, sau đó đều chế đồng).

2- Ít muốn đủ (đàn-việt cho nhiều tay ra dấu thiếu thủ tướng).

3- Ô uest đủ (thức ăn sạch mà tay người ghẻ chốc không sạch).

4- Lìa đủ (tịnh nhân đem đồ sữa lạt đựng đầy gạo rang, Tỳ-kheo ác nói đi qua, v.v...)

5- Không tiện đủ (tịnh nhân làm gạo rang Tỳ-kheo hỏi rồi nói, đây động gió của ta không tiện đi qua, cho đến cùng bình không tiện nêu bày v.v...)

6- Tự siễm khúc đủ (tịnh nhân làm thức ăn ra tay làm tướng, hoặc lắc đầu, hoặc rút bát làm tướng).

7- Dừng ở đủ (khi tịnh nhân làm thức ăn Tỳ-kheo nói, trước hết phải làm cơm, sau mới làm rau).

8- Tự mình đủ (Tỳ-kheo khát thực tự có túi cơm rang theo đàn-việt xin nước, ý họ cho rằng phải là gạo rang liền hỏi Tỳ-kheo có cần hay chẳng? Ý Tỳ-kheo cho rằng: Đàn-việt đến trong nhà lấy nước. Bèn đáp: họ cần cầm túi gạo rang của Tỳ-kheo trao cho, Tỳ-kheo nói lại để). Trong luật chỉ nói tám loại, nay tùy theo một tướng gọi là ngăn sau, nên nói tám ngăn. Trên nói cảnh đủ cũng là từ chỗ rộng. Trong luật Tăng-kỳ gấp hơn, nên dẫn đây so sánh, đủ nói lên cái sai kia. Giải thích thứ tư không cần chặng giữa.

Ban đầu nói còn chút bệnh không cần. Trong Tăng-kỳ ở sau nói người khác làm không cần bốn luận tác pháp chặng giữa.

Ban đầu ba pháp chặng giữa nói trước đủ. Nói theo cảnh thì đối đáp ba pháp trung, trừ bớt là trong luật khai bớt tám việc không làm pháp ăn dư, là một số ấy, nói chưa đủ là luật nói, ăn rồi vì người khác làm mà không thành. Y theo luật Tăng-kỳ khai, thể ăn có ba pháp tụng, phân biệt với bất tịnh nghĩa là khởi lợi tà duyên xúc chạm cách đêm, v.v... có chỗ phạm riêng. Không che giấu, nghĩa là dùng thức ăn dở che thức ăn ngon, tự làm ba pháp trung, tự nói hiện tiền chẳng phải sai người khác. Trong luật nói: sai tịnh nhân làm không thành, nói trao cho là luật nói, tự tay cầm thức ăn làm, để thức ăn dưới đất làm đều không thành, trong luật làm ba pháp trung. Nói ta dùng là chánh chỉ bày tàn pháp, dẫn trong các văn, trong luật Ngũ Phần chỉ bày oai nghi trước, làm ở sau đưa ra lời câu như trên là nói tiếp, biết đây xem làm pháp ăn dư. Nếu đều ở sau chỉ bày pháp lược, chỉ lấy lời khác không cần phải ăn. Ni có đủ, là đây xuất xứ từ luật Ngũ Phần, xưa nói là ni không, nên đặc biệt xem xét. Lại trong phần thân dựa, Ni thọ không làm pháp ăn dư, thì Tăng Ni đồng có.

Trong luật Tăng-kỳ ở sau nói món đồ đều là pháp riêng có thành chẳng. Trong luật nói, nếu Tỳ-kheo đem thức ăn đến muốn làm pháp ăn dư, tức làm dư trong chén ở trên bát, trên bát không gọi là làm, nếu trong chén có nước chảy thì trong bát đều gọi là thức ăn dư, nay văn trái lại vẫn có ý lớn, quyết thông trong đó.

Ban đầu nói thẳng cho thành dư, như ở sau nói gượng khuyên riêng phạm, không phạm có sáu.

Đầu tiên là tướng sai, như cháo đặc mà tướng loãng.

2- Tức việc làm trên thường không có phạm.

3- Y cứ vào thể thức ăn không sạch (hoặc thức ăn trước không đúng).

4- Có duyên bệnh.

5- Đã đủ.

6- Thuận giáo (giảm khai không làm, vẫn không có lý).

Giới thứ ba mươi sáu: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo em tham ăn, bị Tỳ-kheo anh quở trách, người em sinh tâm tức giận, nên anh ăn rồi lại gượng khuyên ăn, trái lại đem lỗi quở trách, do đó mà Phật chế. Trong danh gượng đem thức ăn khuyên đã đủ nên gọi là khuyên ăn no.

Trong số, đối với giới trước có bốn pháp khác nhau:

1- Thân trước phạm, sau nói phạm.

2- Trước khai bịnh, sau không khai bịnh.

3- Trước có tâm tham, sau ba tánh bốn cái trước mình nuốt thì phạm, sau người khác nuốt mình phạm, nêu duyên nên biết. Nếu người thọ thức ăn mỗi miếng nuốt cả hai đều phạm.

Hỏi: Đã có chế lý trước lẽ ra không trái, mà lại khai pháp dư, tự có thể nương theo mà làm, tại sao thọ khuyên lại chế giới này?

Đáp: Họ vốn có tâm tức giận ý muốn làm cho phạm, gượng nói lời khéo léo sai lầm khiến không biết, đến bàn luận thành phạm phải cùng đồng thời, nhưng những điều khuyên phạm trước có thể khuyên sau phạm, nên trong luật nêu họ bỏ cho người tự làm pháp dư v.v... thì có thể khuyên, chỉ phạm Đột-cát-la.

Giới thứ ba mươi bảy: Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, nhân dân có lễ hội, Nan-đà Bạt-nan-đà cùng xem ca múa và thọ thức ăn đến chiều trở về núi Kỳ-xà-quật. Lại ban đêm Ca-lưu-đà-di vào thành khất thực, người thấy trong ánh chớp cho là quỷ, do hai duyên này nên Phật chế. Trong ý chế khoa đầu, Trí Luận giải thích sáu pháp thành tự. Trung thời thành tự rõ văn ấy, Thiên-trúc nói thời có hai:

1- Ca-la (Hán dịch là thật thời, nghĩa là năm tháng, ngày giờ, bốn thời, khí hậu đồng với thế tục cho là thật.

2- Tam-ma-da, Hán dịch là giả thời, nghĩa là tùy theo sự duyên đời ngắn không nhất định, không có thật. Đức Phật tùy theo thế để nói Tam-ma-da mà không nói Ca-la, vì trừ tà kiến của người thế tục, ngoại đạo (người thế tục chấp có, ngoại đạo chấp thường. Nếu nói thật thời lại thêm chấp này cũng chia đại khái mà nói, chẳng phải không nói). Trong luận trước phá chấp thật thời kia đều không có thật. Nhưng Tỳ-ni chế pháp phần nhiều y thật thời thì hiển rõ, Đức Như lai cũng nói thật thời, đâu phải không thời, cho nên dùng để hỏi, như trong số sao đã dẫn,

trong lời đáp có hai.

Ban đầu y cứ vào nghĩa giải thích chung.

2- Phật trở xuống là ngăn nạn đến.

Ban đầu, chẳng giữa ba nghĩa ban đầu từ giả, giải thích trong luận gan phá thời rồi, bèn nói chấp ấm, giới nhập sinh diệt giả danh là thời không có khác thời (lúc bấy giờ, kinh này và các kinh khác cũng nói thật thời, chính là tùy theo tên gọi ở đời, nên nói là giả danh, ở đây và giả danh mà thế tục nói lời đồng nhưng nghĩa khác. Lại y theo Phật nói thì hai Phật kia đều là giả danh, tùy theo pháp mà nói nên gọi là thật). Trong văn nói ta đã nói tức chỉ cho văn trên. Pháp thế giới có nên không ngại nói thời phi thời, chẳng phải thật nên chẳng ngại không thời, lập luận đã rõ không phiền hỏi lại, nên lại tránh nói không nên vặn hỏi (có ở sau là thiếu chữ thời, thật không nêu ra chữ pháp mà trong luận này có). Cũng là kể ở sau tùy theo thế gian mà giải thích. Thế giới thật là chỗ người thế tục chấp (trong văn luận thật trở xuống một câu chẳng phải thật thứ nhất, lại không có chữ), mọi người quở trách tức chỉ cho duyên khởi (trong luật người nữ quở trách Ca-lưu-đà-di rằng: thà tự mổ bụng không nên ăn đêm). Do họ chấp thật mà gây ra sự chê bai quở trách, trong luật thêm tướng đời ngăn chê bai cho nên chế. Cũng muốn ở sau giải thích ba cách hộ pháp nghĩa là lúc thọ giới phân ra thượng trung hạ, thay nhau kính thờ khiến chánh pháp không diệt, nên nói khiến tồn tại lâu dài (ban đầu y cứ vào về giả từ đạo mà giải thích, hai pháp sau y cứ vào thật giả từ tục mà giải thích) ngăn đến vặn hỏi trong đó, do Tỳ-ni chế giáo thuận theo thế đế, tứ quyền kiến lập, không thể dùng chân lý mà vặn hỏi việc thế tục, để giáo hóa y cứ tướng phóng đấng, chế ra sự kiến lập này, nên nói không nên cầu v.v... Trong luận nói đủ, chữ Phật, Thế tôn biết các giới, trong đây không nên cầu có thật gì? (hư thật của thế) có gì gọi là vũ (có không của tên). Sao là tương ứng, sao là bất tương ứng (trái thuận của nghĩa) sao là pháp như thị tương, do đó việc này không nên vặn hỏi (hóa giáo nói lý phải có bốn nghĩa cầu.

Kế là vặn hỏi, trong văn luận trước nói: Đức Như lai vì trừ tà chấp không nói Ca-la mà nói Tam-ma-đa, nghĩa là trong các kinh phần nhiều nói giả thời như trên đã dẫn, trong luật nói chính là thật thời, nghĩa có trái nhau, nên dùng để vặn hỏi, trong lời đáp có hai: ban đầu ý nói Tỳ-ni nói thật, câu trên chánh chỉ bày, không có lầm chữ, văn luận chánh làm chữ Trung. Ở sau hiển y, nghĩa là Tỳ-ni không thừa nhận người tại gia ngoại đạo nghe cho, nên có thể nói thật thời, để nói chúng tự biết chẳng phải thật không sinh tà chấp (trong văn ở sau chữ văn luận thành chữ

nhì). Nói kể ở sau là nói ý các kinh nói giả. Chung nhiều phần, là đạo tục đều được nghe (xưa hiểu lắm nhiều, vọng đối chữ văn, người học khó hiểu, không tránh khỏi văn rườm rà). Hiển rõ trong ý, do học nói là hổ thẹn rồi tham ăn, lẫn lộn gọi là Đại thừa, không có thời phi thời, cho nên nay lại dẫn trong Đại luận để răn dè tà chấp, đại học tiểu học thời gần đây ăn uống vô thời không sợ giới của Phật, nước đồng hoàn sắt cháy tiêu cổ họng và bụng, thấu đến tâm tử ai sẽ thay thế, buồn thay!

Khoa kế kinh tức kinh Tỳ-la Tam muội, nêu chung bốn thời, trước sau ba loại lớn khác nhau không nhất định, giữa ngày một loại Phật, Phật thường pháp do trụ trung đạo nhờ sợ tiểu biểu lý, cho nên hễ là chỗ hóa nghi đều ở giữa. Phật chế trở xuống là chánh hiển bày ý giáo, trên có ba đường, địa ngục đồng với loài quỷ, muốn ra khỏi ba cõi phải đoạn nhân trong đường, Tỳ-kheo không đồng loài quỷ ăn khiến nường tội bậc thánh, có thể trông mong xuất ly. Than ôi! Người ngu kia thường hay ăn chiều, không chịu Phật giác ngộ, mà cam lòng đồng với nga quỷ, súc sinh không biết là ý gì? Trong ba pháp thì luận Tát-bà-đa đầu tiên giải thích thời phi thời.

4- Trong nghĩa đầu tiên y cứ vào ánh sáng mặt trời mọc lặn, còn ba pháp y cứ vào khát thực đúng nghi hay không đúng nghi, hai và ba y cứ vào việc khác. Thứ tư y cứ hạnh mình. Lại ở sau nói thời phần không nhất định, ngày đêm đều có chín thời (lại y cứ vào tướng, v.v...). Tăng Huy dẫn xưa giải thích rằng: ngày đêm đều là mười tám thời, một thời có năm mươi tạp-phước, mười tám thời gồm có chín trăm tạp-phước, ba mươi tạp-phước là một tu-du (ba trăm là mười tu-du, chín trăm là ba mươi tu-du). Sự đồng là đồng trở xuống Tăng-kỳ (Câu-xa nói một trăm hai mươi sát na là một hằng sát na, sáu mươi hàng sát-na là một tạp-phước, ba mươi tạp-phước là một tu-du, ba mươi tu-du là một ngày đêm, mặt trời xuống gần đất, theo Câu-xá mặt trời, mặt trăng ở lưng chừng núi Tu-di, cách đất bốn môn do-tuần, theo đây thì không có nghĩa sau, nhưng mặt trời vận hành ở Nam cực, trong giống ở sau, do thiên thượng Nam Bắc cách nhau có một trăm tám mươi đường, một trời ở trong đi lại, để phân tán tiết hơn nữa y cứ vào mùa hạ đến mặt trời ở phía Bắc là đường thứ nhất, đi về hướng Nam vượt ra bốn mươi lăm đường là lập thu, lại vượt ra bốn mươi lăm đường là thu phân lại vượt ra bốn mươi lăm đường là lập đông, lại vượt ra bốn mươi lăm đường là đường thứ nhất ở Cực Nam là đông chí (từ phía Bắc đến đây nóng giảm mà lạnh tăng, cho nên lạnh là một nói: nam châu bắc rộng ánh sáng mặt trời nhiều, nam hẹp ánh sáng mặt trời hẹp, lại nói: gần lên núi Tu-di là núi

băng, lại nói cách người xa, từ đây trở lại đến lập xuân, xuân phân lập hạ hạ đến đều trải qua bốn mươi lăm đường, về đến Bắc cực, như vậy cuối cùng trở lại ban đầu, bốn mươi thời phi thời kinh tức phẩm biệt A-hàm, cho nên nêu cả hai. Trong luật y cứ vào bóng chân định dài ngắn của ngày đêm trong một năm, cần phải tìm xem, y theo thế tục phương này cũng dùng mười lăm ngày làm một khí, một khí có ba hậu, một hậu có năm ngày, ba khí là một tiết (bốn mươi lăm ngày) một năm có bốn thời tám tiết hai mươi bốn khí bảy mươi hai hậu ba mươi sáu tuần. Trong Tăng-kỳ nói bóng chân, lập giữa ngày dùng bóng bước chân. Khắc lậu, lượng nước làm số, tùy thời thêm bớt, trích lậu định thời, gọi đó là khắc hậu, giải thích trong duyên đầu dẫn luật định thời, nói đến giữa ngày là ở đây nói cực hạn ăn trước giữa ngày, bốn thiên hạ là nói câu-xá, mặt trời chuyển bốn thiên hạ chánh chiếu một mặt, chiếu liền hai mặt, dài trái một mặt.

Lại nói nửa đêm ở Bắc châu là Đông châu mặt trời lặn, giữa ngày của Nam châu thì tây châu mặt trời mọc, tứ châu đều y cứ vào từ sáng đến giữa ngày, nên nói cũng vậy, ở sau dẫn trong luật Tăng-kỳ chánh trong đó là phạm đột-cát-la, nên biết thọ thức ăn phải ở trước giữa ngày, trong kinh ăn đúng thời chính là đúng thìn ty, người xưa trai giới rất gấp, có nghe Chư Phật ăn giữa ngày lại cho rằng trước giữa ngày là phi pháp, bởi không biết giáo pháp, lại có nói lầm, chẳng qua suy lường thức ăn lại cho suy lường vâng giữ giới, hưởng chi đánh chén không nhất định, đâu đủ làm tiêu chuẩn, nháy mắt liền động mất thiếu thời, phát nghĩa là bóng đời đổi đất ít.

Trong Nghĩa Tịnh Nội Pháp Truyện chép: phải ở chỗ cốt yếu đặt đài đất nhỏ, mỗi bề một thước, cao năm tấc chính giữa cắm cây nhỏ hoặc giờ ăn dựng cây tre, có thể cao bốn ngón tay, lấy bóng chánh ngọ, vẽ để nhớ, bóng qua chỗ vẽ thì không được ăn nữa, phương Tây ở chỗ cần có gọi là bệ-la-chước-yết-la, Hán dịch là Thời luân, trong ba pháp văn nêu bốn thứ thuốc, đều có thời và phi thời, thuốc phải thời là y cứ vào trước giữa ngày, sau phi thời hạn cuộc trong bảy ngày là thời, quá hạn là phi thời, suốt đời, trong số chép: bị bệnh uống thêm là thời, không bệnh mà uống là phi thời, nếu chẳng phải khẩu pháp từ thời thực mà luận, nên ở sau chú giải nói phạm có nặng nhẹ. Văn chú giải chia làm hai.

Ban đầu chỉ bày riêng suốt đời, và ở sau trong phần nói ba thứ thuốc, nêu ở sau dẫn chứng, tức không thọ thức ăn giới khai văn, biết rõ bốn thứ thuốc chế chung. Trong Tử Phần thì khoa đầu, trong Ngũ Phần

có khai, nghĩa là trong phi thời y cứ vào nuốt kết phạm, thường là chỉ dính lưỡi.

2- Trong đó luật Thập Tụng nói sáu giới dạy người đồng phạm, bốn giới đồng với bốn luật, chẳng phải dư hai giới văn ấy chế nặng, nên dẫn chỉ bày, trong ba pháp có năm trăm câu hỏi, có hình sự vật là nói chung bốn thứ thuốc, không phạm tội đọa, y theo luật, lẽ ra phạm Đột-cát-la, nuốt vật mới đọa. Trong phần không phạm, ba loại đường đen đường phèn là người xưa ghi rằng: dùng mía đường và gạo nếp nấu thành, nó cứng như đá, ở đây nói bảy ngày, tuy bao gồm trong thuốc quá thời khai cho uống, bị bệnh khai nước cháo, tuy giống nước phải thời nhưng phải lóng trong, hai pháp trên thêm pháp như trước đã khai. Ở đây y cứ tạm thời gặp là thọ, bá âm diễn, là phun nhả ra, văn khai chung rõ nên dẫn luận đã quyết.

Giới thứ ba mươi tám: Phật ngự tại thành La-duyệt, Ca-la ngồi thiền, khát thực mệt nhọc, được rồi ăn trước, Đức Phật quở trách chế giới.

Khoa đầu trong phần giải thích, trước chỉ bày danh tướng, phải y cứ vào thọ rồi mới được thành dư, bốn pháp trở xuống là chỉ bày thể của thuốc, quá thời được phạm Đột-cát-la, cách đêm phạm Ba-dật-đề, phi thời là quá hạn bảy ngày, trọn đời không có duyên bệnh đều gọi là tàn, đồng với phi thời ở trước. Trên dẫn trong bốn luật, thiện ở sau dẫn bộ khác, y cứ vào về thọ nói về tàn, không lấy thức ăn dư, trong phần lựa chọn khoa đầu có bốn câu, một vài câu chánh thuộc giới nặng nhẹ, ở đây phân khác. Thứ hai là chánh phạm trong đêm, thứ tư không có lỗi, nên nói có thể biết. Câu đầu trong chú giải câu trên nói chung về thọ, câu dưới chỉ riêng ba loại thuốc. Thời được không có khẩu pháp.

Khoa kế đầu tiên là lựa chọn, trong bốn câu, ba câu vừa tàn vừa nội phạm một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la, bốn pháp chẳng phải tàn chẳng phải nội, không phạm.

Câu đầu thuộc về giới này, thứ hai thuộc về trong đêm, thứ ba liên quan đến hai giới. Có ở sau bài xích lẫn lộn, xưa nói kết tịnh địa đã khai Tăng đồng cách đêm cho nên dẫn luật để phá, đã khiến bỏ Tỳ-kheo, rõ biết cách đêm khuyên đem chặng giữa, ban đầu chỉ bày ý dạy, ở sau giới không thọ thức ăn, Tỳ-kheo y phần tảo khát thực e ngăn đạo nghiệp lấy thức ăn trong miếu, nên hợp lại chỉ bày. Ở đời dùng thiền quán làm chân đạo giới, vì việc nhân rồi đâu biết, đạo quán sát chẳng phải giới không thành nên nói vọng ý, v.v... Ở đây trở xuống là hiển bày lỗi lấy

đạo bỏ giới, nên tâm liên quan đến thương ghét, khinh giới kiêu mạn bậc thánh, cho nên đại ngã chưa chặt phá được, nêu ở sau dẫn khuyên. Ở trên nêu bày thánh chúng tôn trọng giới, câu sau khuyên bắt chước bậc thánh, đời cận thế thiên giảng thường chấp đây, xin ghi nhận lời dạy kia chớ mặc cho phàm tình.

Trong hành hộ khoa đầu, trong luật Thập Tụng nói ba tướng, ban đầu bỏ vật dơ, như ở sau đồ sạch dơ, không sạch trở xuống lựa thể ăn, bốn thứ thuốc đều xem trọng, muối chẳng phải tham ăn nên tội nhẹ. Không sạch nghĩa là trong cách đem ghét xúc phạm. Ở sau dẫn Già luận để chứng minh rửa bát ở trên.

Khoa kế trong luật Thiện Kiến, ban đầu chuyển đổi thức ăn cho Tỳ-kheo tự đem cho phép chạm đem, đổi cho tiểu chúng, ăn thì khỏi lỗi, chính ở sau làm thức ăn chuyển đổi việc cũng đồng với ở trên. Trong chú giải y theo trên xen đổi tâm đoạn khai thành. Lại nói không đoạn, bất tịnh sạch nên biết (y theo bốn thứ thuốc tịnh nhân xúc chạm phải rửa tay thọ lại, ở đây không được thọ thức ăn với họ). Trong luật Thập Tụng trước nói xen truyền.

Ban đầu dẫn văn ở sau nghĩa quyết cũng đồng chuyển đổi, nhưng thêm rửa tay. Chữ viển kế ở sau nói đổi sạch, ban đầu dẫn chỉ bày, nay trở xuống là chỉ ra chỗ sai.

2- Trong ấy đều không thọ xả, lại nói có đủ mới khai thành tịnh. Ban đầu gặp thời khát thực tăng không xả tâm tục, không có tâm thọ, và ở sau khát lấy tăng không thọ tâm tục không xả tâm, nên nói đều không. Trên chữ khát âm khí, giao nhau là đổi, chú giải khiến như trên là trong luận lần lựa đổi sạch nói có thọ tâm xả. Có ở sau ba pháp nói thọ bát, ban đầu duyên khởi. Phật trở xuống là lập chế nên theo thọ, hoặc sợ bát có dính các chất dơ, nên khiến làm vật kia thọ, lấy trong thức ăn. Trong luật Thập Tụng không có chỗ nước nghĩa là riêng cầu khó được, trong nước có thức ăn, tuy là cách đem vì dơ cho nên khai, tuy thức ăn nổi chìm, uống lấy thứ trong.

Khoa kế đầu tiên dẫn luật luận khai lấy cho nên ăn. Lại khai tự lấy nên phải bớt duyên, hoặc tụy đủ thời khát cầu không được, lúc bấy giờ ép không người cho nên khai ra hai, trong sử lân lại bác bỏ.

Trong Ngũ Bách Vấn, đầu tiên chỉ duyên đồng với trên, sở trở xuống là ý khai. Ban đầu nói khai thức ăn, lại ở sau giải thích tự lấy.

Uất-đơn-việt, Hán dịch là Thắng, vì thắng ba châu, người xứ ấy đối với vật không có tâm ngã sở, trong ba pháp không khởi ý trở lại tức là đoạn tâm, trong giữ tâm thanh tịnh. Luật Tăng-kỳ nói quá thời, trong

vẫn có hai tội, trên là phi thời, dưới là dừng ăn, chưa quá tu-du chỉ phạm phi thời, nếu quá tu du đều kết hai tội đọa. Trong chú giải, đầu tiên chỉ bày thời hạn, như ở sau nói phi thời, hai thời.

- 1- Quá giữa ngày.
- 2- Quá Tu-du.

Tỳ-kheo trở xuống là nói tay sạch, vì ngăn ngừa sự dơ bẩn, thô lỗ nghĩa là ước lược, rửa rồi lại mài nghĩa là sau lại chạm nhau, mà có cầm vật chưa không sạch, nên tu du rửa, trong chú giải y theo tay sạch, để quyết chạm khăn, ở sau dẫn hai luật chuyển chứng văn chú giải, luật cho đứng đây thức ăn nói phải sạch. Trong luật Thập Tụng ngày rửa được sạch nên biết.

Khoa kế trong luật Tăng-kỳ ban đầu nói rửa bát, không lau chùi e tổn màu sắc, phải được ở sau nói hộ tay. Cầm ca-sa là để có bụi dơ nên phải rửa sạch (xưa nói: do đó nói đắp ca-sa tay phải sạch là sai). Trong ba pháp, gió bụi rơi vào bát, không thọ lìa nhau, xả thọ cho ăn là phương tiện khỏi lỗi. Văn nói về Sa-di, các chúng tịnh nhân đáng lẽ phải thừa nhận chung (các văn đã rõ không chỉ ngay giới, không thọ việc phạm ác liên quan đến nhau, trong văn có thể thấy, tới văn hiện rõ, chỗ để sai lầm) không phạm có bốn tiết:

- Ban đầu không tự ăn.
 - 2- Cho người làm, lại từ nơi xin mà được, nghĩa đồng với mới.
 - 3- Những chỗ khác trong bát không thể nào sạch.
 - 4- Vì trừ bệnh chẳng phải muốn ăn.
- Bên Ấn-độ bệnh mắt phần nhiều sữa dầu nhỏ vào lỗ mũi.

Giới thứ ba mươi chín: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có người vì cha mẹ nên ở ngã tư đường cho đến cúng dường cúng tế trong miếu, Tỳ-kheo mặc y phẩn tảo khát thực tự lấy mà ăn, người tục chê bai, do đó Phật chế. Trong giới này, hễ Tỳ-kheo ăn phải thọ từ người, nên trái với lời dạy này gọi là không thọ thức ăn, song thọ hai tay và miệng ăn chung bốn thứ thuốc, như ở sau có nói, trong ý chế.

Đầu tiên dẫn trong luật Ngũ Phần lời quở trách của người tại gia, nghĩa chia ra ba lỗi, họ không vui là với lấy sự chê bai, mặc y cắt rọc mà không sinh điều lành cho chúng sinh, không cho mà lấy là đồng với ăn trộm. Sau chế giới đây, tức trái lại ba lỗi, dùng làm ba việc lợi ích.

- Trong luận Tát-bà-đa có năm nghĩa.
- 1/ Ngăn ngừa ăn trộm mắc tội nặng.
 - 2/ Nhờ người có thể trao chứng cứ không có trộm cắp.

Ba và bốn dễ hiểu.

5/ Dẫn nhân duyên nói lên việc phát sinh lòng tin.

Ban đầu, ngoại đạo khiến Tỳ-kheo leo cây, Tỳ-kheo nói: pháp của tôi cây cao quá đầu người không được leo; Ngoại đạo lại bảo rung cây hái trái.

Tỳ-kheo nói: pháp của tôi không được rung cho rụng trái, vì không phá hoại sự sống, ngoại đạo leo lên cây hái trái quăng xuống cho Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo nói: pháp của tôi chẳng được không thọ mà ăn, cho nên nói đều đáp, v.v...

Thứ hai là luận. Minh Liễu chép: Đầu tiên dẫn văn luận, y theo luận không có chữ bịnh viết lầm không nghi ngờ.

Kế là dẫn trong số giải, đầu tiên giải thích tự tánh, tức chỉ cho giới thể, muốn ở sau giải thích cầu được, nghĩa là có những điều cần thiết. Từ đây trở xuống giải thích chỗ này, nghĩa là chỗ thọ thức ăn. Trở xuống nói đất và trong nước này, cùng các việc khác không cần nói lên pháp năng thọ chung với pháp khác, tức ở sau lựa chọn lẫn lộn.

Ban đầu ở trên chỉ cho năng thọ, như ở sau lựa chọn các việc khác không thể, đều chẳng trụ tự tánh, bị diệt tận một loại thuộc về tứ Yết-ma, gồm hai mươi lăm vị, như mười ba nạn mình và người đều không thành, còn bao nhiêu đều tự thành, nói không chung người khác nên nói chung là không thành (theo thiên sám học hối ở sau thành thọ).

Ba là sở đối, tức nói trao thức ăn cho người. Trong giải thích khoa đầu, hai câu trên trong luận Minh Liễu lựa chọn trừ bỏ, nghĩa là tự kịp với đồng loại, đều chẳng thể trao. Ngoài ra, ở sau chánh chỉ bày. Ba loại là nhân, phi nhân súc sinh, lấy văn hiểu biết, phải đủ ba loại, không đủ thì không thành, trong luận Tát-ba-đa người ở chặng giữa, người chung chẳng phải súc sinh, nghĩa là nhiều chỗ người trái lại biết, không người mới khai loài khác.

Khoa kế là luật Ngũ Phần đã không có tịnh nhân, mà khiến để gao hoặc trẻ tuổi hoặc có thể tạm nhờ, trong văn chỉ khai tự nấu ác xúc phạm hai tội Đột-cát-la.

Trong luật Tăng-kỳ trên con trâu cũng y cứ không người thì khai cho thọ từ súc sinh, nhưng trao và thọ chẳng phải nghi, phải thêm khẩu pháp. Dẫn là lời kéo, trong luật Thập Tụng nói ruồi đậu chim mổ không gọi là mất thọ, cho nên được. Trong ba pháp của luật Thiện Kiến gồm nêu bốn đường, quý bao gồm Tu-la, địa ngục thì thành sáu đường. Trong luật Ngũ Phần ở sau ba bộ luật nêu riêng ba đường, hợp với văn luận

trên, trong luật Tăng-kỳ tức Phật thọ mật của con khỉ. Trong luật Thập Tụng, Tôn giả Mục-liên nhớ Nhĩ Sa-di đều thọ thức ăn kia, thì mắc tội trọng, nghĩa là địa ngục không theo thọ, y theo ở sau quyết định chung, tức ý của luận Minh Liễu ở trước. Trong bốn pháp, Thập Tụng nói năm trần không thọ, trong văn thiếu mạn, như chú thích mà không hiểu. Thiện Kiến ban đầu nói sáu trần rơi rớt, có thể giải quyết Thập Tụng. Trong chú giải hai ý hòa hợp luận tiếng vang là nói khe cửa sổ bụi bay, trong nhỏ lại nhỏ thì không cần thọ. Hạnh kế ở sau nói ăn bị đọa cũng y cứ vào tác ý nên thành.

Trong luật Tăng-kỳ đầu tiên phân biệt các trần. Nói tác ý là lúc bụi bay vào phải đứng đây thọ. Nãi trở xuống là nói các thức ăn.

Đầu tiên về nghịch rụng có thành chăng? Tăng trở xuống là nói không sạch thành thọ, Tăng ni xúc chạm nhau là nói về tịnh.

2- Trong luật Thiện Kiến có bốn vật không thọ chẳng phải đáng ghét, cho nên luận Minh Liễu nói năm lượng nhiếp tất cả vật, như bốn thứ thuốc dẫn đủ, tiện lợi, nước, đất đều gọi là khai lượng lớn. Nghĩa là được tự lấy không có chỗ ngăn, văn luật khiến thọ, khếp với luận, nên y cứ có người thông hiểu. Theo hai luận trên thì có người cũng khai, trong ba pháp, luật Thập Tụng ban đầu khai không thọ, tự làm không cho người khác thấy, cần thức ăn ở sau nói, đều cho rằng tránh chê bai, cầm nắm lại cho rằng một nắm tay.

Theo hai luận trên, lại kê ở sau chế để sạch, hai văn trái nhau nên chú giải để hội văn. Trong luật Tăng-kỳ, luận Tát-ba-đa như trước đã dẫn, cũng ở sau quyết thông khai ý, bốn phần giảm thì khai tám việc, trong đêm nấu tự mình nấu phạm ác xúc, tăng tục hai món thức ăn dưới nước trên bờ không làm pháp ăn dư, trong năm trăm lời hỏi, bảy ngày một lần thọ tự làm không mất. Trước gạo sạch lấy ra hết văn, trong luật nói đủ trước gạo sạch thọ lấy (nghĩa là hỏa tịch rồi thọ). Trong bốn pháp, nước vốn là đại khai. Lại y cứ vào trong, nay nói mạn đục cũng phải thọ, trong Tăng-kỳ, Già-luận y cứ vào sắc, trong luật Ngũ Phần y cứ vào vị, trong năm pháp ra mồ hôi có đồng nước mặn, nên cũng phải thọ, trong chú giải câu trên quyết tay trên ra mồ hôi, câu sau nêu bày thành trán ra mồ hôi, trong sáu pháp thì luật Tăng-kỳ nói phần dương chi nuốt hay không nuốt, băng tuyết nói về người có không, luật Tứ Phần nói dương chi không chia hai tác dụng, nên y theo trên, nói chuyển biến ở trong, ở sau nêu bày các vật, tuy có biến động mà không đổi bản chất, nên đều không mất thọ.

Trong luật Thiện Kiến nói gừng sống mọc mầm, chỉ cần tịnh lại.

Văn chú thích trong Tăng-kỳ tức chỉ trong luật, ngài A-nan có duyên khởi làm cơm ấm cho Phật. Lạc tô, v.v... nghĩa là trong đó trước thọ lạc mía mè, muốn chính giữa và sau làm tô mật dầu, phải biết cách nói: trong đây vật tịnh sinh ta phải làm thuốc bảy ngày mà thọ (phi thời cũng đồng), quá giữa ngày liền đổi đều không mất thọ. Trong năm pháp thì trong hư không chẳng thành, nghĩa là được thọ trong khoảng trống. Nếu nói về sở đối ở khoảng trống cũng nên không thành, nên biết năng sở đều phải ở đất, như trước liền chỉ môn thứ hai. Khoa đầu trong sáu pháp thọ, ba vị trong luận Minh Liễu nên hiểu, nay trời y cứ trên mâm lấy thức ăn, cho đến bên vật lý nên thành thọ, bốn câu trong hai thứ thân tâm. Câu đầu chẳng phải thành thọ, tuy chẳng phải chuyên duyên ăn, cảnh phải tâm cảnh rõ ràng, một bề vô tâm thì không thành thọ. Câu đầu thứ hai chỉ bày tướng. Trong Tỳ-ni ở sau dẫn duyên, nhân vì Tỳ-xá-ly lúa mắc, Tỳ-kheo có thần túc đến nước ngoài khát thực, họ chê bai Tỳ-kheo, v.v... như trong số sao đã dẫn, như ở sau hiển bày lạ, miệng thân như ở sau. Thứ ba bình đẳng nghĩa là chánh ý ngửa tay mà thọ, trên nói đúng như pháp, như ở sau lựa chọn phi pháp, thân tâm tuy đồng mà trái pháp không thành. Thứ tư trước có phương tiện, nên khai sau thành, quan tức là thiệp. Ba đơn tâm là câu thứ hai ở trước, đối với thân tâm đều rõ ràng, trong đây nói riêng về tâm.

Trong luật Tăng-kỳ, đầu tiên là dẫn duyên ta kiến, do dân nước Đãng-cù là biên địa tà kiến, chê bai Tỳ-kheo nên không đích thân trao thức ăn. Nay ở sau sẽ có chữ tác. Mãn-trà-la, Hán dịch là Đàn-quy viên, miệng nói ba lần thọ là dùng pháp thế tay. Trước trở xuống là chỉ duyên đồ báu, chứa của báu đã dẫn, cũng văn Tăng-kỳ do thí chủ làm chén vàng đựng thức ăn, Tỳ-kheo dùng tay chỉ bày món đồ, miệng nói ba lần thọ, v.v... nói ở sau chỉ lược, tức hai bộ kia đều khai cho miệng thọ. Lại chính giữa một bên không hiểu nhau nói cũng đồng khai. Trong luật Ngũ Phần thí chủ đưa thức ăn chưa đến trao cho, vì duyên gấp để dưới đất nên nói thêm pháp. Trong luật Tăng-kỳ nói thiền định mà ngủ, người kia nói: tỉnh thì thành thọ, nếu lúc đó không tỉnh thì khi tỉnh muốn ăn, phải theo tịnh nhân thọ lại, nếu không muốn ăn, v.v... như trong số sao đã dẫn, được tự mình cầm là do chẳng phải tự nuốt nên không ghét cầm. Trong bốn pháp, Tăng-kỳ nói ruồi đậu liên tục, vì ấy Tỳ-kheo Lan-nhã khi vào giếng nước đến sợ nước đầy lại, đến trong giếng ăn, khiến tịnh nhân đựng đầy thức ăn trong đồ đựng ruồi đậu nhiều, Tỳ-kheo một tay đuổi ruồi, một tay nâng đồ ăn, nói trao nhận là chẳng phải nghi, phạm Đột-cát-la. Cho đến ở sau nói xa quăng. Luật Thiện Kiến trở xuống nói

về hiểu khác. Trong luật Tứ Phần ở xa quăng thành thọ, nên nói năng sở đồng kiết vô ngại. Trong ba pháp, Tăng-kỳ đầu tiên nói lũng lảng, ở trước đã dẫn, như ở sau nói dẫn ở trên. Hãn âm hãn là hộ.

Trong luật Thập Tụng tuy không dứt, nghĩa là ban đầu nêu ra bình, chưa rơi vào bát. Trong luật Tăng-kỳ vẫn có bốn đoạn.

Ban đầu nói tịnh nhân hành thọ, treo thả sợ chạm vào món đồ, đi liền nghĩa là tức thời tiến đi, vẫn chú giải thích rơi trên cỏ ngồi xồm, nghĩa là hai chân ngồi xồm trên đất, theo thiên phó thỉnh thì ăn phải ngồi xồm. Ba ngàn oai nghi là pháp của Chư Phật đều đắp y sạch ngồi xồm mà ăn, nếu có đệ tử xuất gia nên đúng như pháp, để có thể ngăn các giới nên làm y sạch. Pháp khác trụ nên nhân chế pháp ngồi xồm, rộng như ở sau có dẫn xứ này (Trung Hoa) ngồi kiết già thọ thức ăn, tùy theo địa phương thích nghi làm, chẳng phải giáo pháp chấp nhận, như ở sau nói Tỳ-kheo thọ hành.

Đầu tiên chỉ bày duyên khai, như ở sau nói y cứ đất thọ lại có hai. Ban đầu nói vật pháp trong dần dần cũng nói sơ qua, như ở sau nói pháp đồ nóng, trong năm pháp tịnh nhân có ba pháp.

- 1- Hỏa tịnh.
- 2- Riêng thể được.
- 3- Tâm thí.

Trao cho Tỳ-kheo có ba pháp:

- 1- Ngửa tay thọ.
- 2- Hoặc thêm ghi nhớ.
- 3- Chia phần thể.

Bảy lỗi:

- 1- Ngủ trong đó.
- 2- Nấu trong đó.
- 3- Tự nấu.
- 4- Ác xúc.
- 5- Tàn túc.
- 6- Tay chưa thọ.
- 7- Thọ rồi dùng quá tu du.

Y theo ở sau lại có tay thọ rồi biến động, nghĩa là tám hoạn. Trong sáu pháp nói chẳng tâm, do không đối cảnh gặp rồi tự lấy, nên không có tâm thọ, như trên tức trong luật Tăng-kỳ, luận Tát-bà-đa lấy trên đá nên ăn, giảm khai tức bốn tông có tám việc, trong bảy pháp quán ăn.

- 1- Quán thức ăn bên ngoài.
- 2- Sự.

Câu trên nghĩ chủng loại để làm, câu sau nghĩ ý thí, hai quán đã thực hành hoàn toàn giảm ít nhiều. Ba pháp quán sau đều quán hiện tâm, ba là tâm lìa lỗi, trên tham ăn nhiều, dưới ăn nhiều sân, chặng giữa ăn nhiều si, lìa ba tâm này mới tiến khẩu được.

4- Tức đối trị tâm.

Nói chánh sự nghĩa là lại không có ý khác, chánh muốn sự đồng uống thuốc để trị bệnh đối. Tức trong kinh Di giáo nói: thọ các thức ăn uống phải như uống thuốc này.

(Có chỗ nói: chánh nghĩa là phân biệt với tà mạng, hoặc nói: sự là một trong bốn sự đều, chẳng phải ý văn).

5- Tức tâm xuất ly, đạo nghiệp chung ba thừa ba học, thế bào tức trời, người thiên chỉ rộng trong đó.

Trong luận Minh Liễu nói pháp thọ thực rồi mà dùng tất cả vật khác v.v... hai câu kết, tức chỉ lược quán thức ăn, nên ở sau dẫn số lược giải thích, còn bao nhiêu đều chỉ ở sau, trng hiển ý ban đầu nói ý trọng nêu ra, không như vậy thì ở sau trình bày răn dè, Tỳ-ni trở xuống dẫn chứng, vào từng miệng không phải khi thiếu, bốn việc quán chung không riêng ăn uống, không như vậy thì trong luật nói: thọ người tín thí không dùng đúng pháp, buông lung tâm kia bỏ tu đạo nghiệp, vào trong ba đường chịu khổ nặng, cho nên nếu không chịu khổ báo, ăn thức ăn của tín thí khác tức bụng vỡ ra, y thì lìa thân, v.v... trong tám pháp thì khoa đầu, luật Tử Phần có mười pháp, ban đầu năm ngón tay và vật xen nhau thành bốn câu, thứ năm lìa xa chẳng phải tay và vật, như trên là trước đã dẫn biết không có xúc ngại, v.v...

Kế trong năm pháp, bốn pháp trên các vật đối nhau, như nói thân và thân thọ, v.v... thứ năm để đất thì không có sở đối. Trong chú giải y theo Tăng-kỳ phải thêm khẩu pháp.

Khoa kế, trong luật Thập Tụng rớt xuống đất đều thành y theo trước phải là để trên bàn. Trong luật Tăng-kỳ y cứ vào tâm trước sau có không phải đủ bốn câu, văn nêu ra hai pháp xen nhau, mắc tội thành thọ, cả hai đều không biết dựa theo nên không thành. Sau trong luật Thập Tụng, xúc chạm nghĩa là dùng vật chống chạm nhẹ, không nên thọ là do chẳng phải trao tâm thọ cũng không thành. Trong chín pháp đầu tiên là ý quyết, nghĩa là khởi niệm dứt bỏ lý phải thọ lại, trong hai pháp còn hơn tu-du thì thọ nên biết lỗi mình, trong ba pháp hai câu đầu cũng tức là luận Minh Liễu nói do mất bốn thể, hành pháp đều mất nên nói tất cả (321). Một tức diệt, tức trở xuống là dẫn nêu, trong phần chia vật của người mất, thức ăn dư, để qua đêm, ác xúc, v.v... các Tỳ-kheo

được ăn do người kia qua đời các tội đều mất nêu bày nay rất đồng. Trong bốn pháp, thời được quá giữa ngày thì mất thọ, ba được không thêm khẩu pháp, đồng thời được dứt nếu thêm khẩu pháp đều tùy theo hạn cuộc đủ liền mất. Như ở sau tức trong đời giải năm pháp đầu tiên chỉ bày tướng, như ở sau hội thông trong Tăng-kỳ, như trước chuyển biến không mất trong lời dẫn, văn đáp rất dễ hiểu. Thứ sáu trong chú giải đầu tiên, phán không rửa cũng thành, ở đây y cứ không dơ có phép tắc thì phải rửa, nhưng ở sau vốn là ý rửa kia, xin vâng theo Phật chế, không vọng tham ăn, tức là tâm tịnh, tuy có thân thông này dầu khiến tay sạch, chỉ được thành thọ không đâu mà không trái chế, mười đối văn hiểu trong phạm. Ban đầu nên bày các thức ăn, trước ba trăm năm mươi có hai pháp nên biết.

Xa-da-ni là thuốc bảy ngày, văn thiếu phi thời trọn đời ở sau kết phạm. Ban đầu chỉ chung bày tướng phạm, chẳng phải trở xuống là phân biệt riêng ba thứ thuốc, hai thứ thuốc trên hạn cuộc chẳng giữa không có lỗi, một thứ thuốc suốt đời pháp không chừng hạn, chỉ y cứ vào không bịnh kết phạm vẫn nhẹ. Trong phần không phạm hai pháp trên thức ăn sau, nếu không trở xuống trị bịnh, hoặc khát thực trở xuống khai vật đọa, thô có thể dứt bỏ, hoặc không thể biện lý nên thọ lại, còn lại là trừ không hết. Y theo trên trong luật Thiện Kiến trần nhỏ lại thọ, do một bề không thể dứt trừ.

Giới thứ bốn mươi: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà và những người đi buôn vì đàn-việt liền nói “muốn được các thức ăn người kia hỏi, lo gì suy nghĩ đây?”

Đáp rằng: Không lo chỉ ý muốn, họ chê bai, do đó Phật chế giới. Duyên phạm thứ nhất chú giải chỉ bày bốn vật, lựa chọn vật khác mắc tội nhẹ. Trong duyên khởi nói các thức ăn gồm chung bốn pháp này, trong giới sơ có đủ năm duyên, thêm thứ hai xin người chẳng phải bà con. Y theo đây khai cho có bà con, giải thích trong duyên đầu. Trước dẫn trong luật Tăng-kỳ để nói lỗi chê bai, tám loại đều nêu, sữa lạc là tướng riêng, luật kia bơ, dầu, sữa, lạc, đường phèn, đường, cá, thịt là tám loại, nói với lấy chê bai là trong luật ấy nói người thế tục chê bai. Sa-môn Cù-đàm không thể thực thức ăn dở, mà khát thực bơ dầu, v.v... đây là người bại hoại nào có đạo đức gì? Kế Ngũ Bách Vấn cho là phạm riêng. Luật nói về tâm trộm, không bịnh nói bịnh nên thành tội nặng. Nay đây không bị bịnh chẳng xin cho nên khác với trong bốn pháp không phạm (xưa dịch là luận nặng luật nhẹ là sai, vì tướng phạm khác

nhau). Thứ hai luật làm gì người bịnh khát được mà ăn, ở đây khai cho dự ăn, mình và người xen nhau xin, chính là luật khác nói: Hoặc mình vì người khác, người khác vì mình.

Giới thứ bốn mươi một: Phật dẫn đệ tử từ câu-tát-la đến Xá-vệ được nhiều bánh ăn, bảo A-nan chia cho người kia, bèn đem bánh cho người nữ, mọi người đều được một, riêng người nữ được hai, họ do đó chê bai, lại ngoại đạo bị người ăn hỏi, lại nói: Cư sĩ trợ đầu ở được, do hai duyên này nên chế. Rõ trong pháp khai. Trong luật Ngũ Phần không nói ngoại đạo, trẻ xin nói chung nên ở đây dẫn, ở sau hai chữ khát đều khứ hô, hai văn Thập Tụng và Tát-bà-đa đều khai, nhưng chẳng phải tự tay thì đồng với tông này, không chấp tức là không ngoại đạo, hoặc trụ tà kiến mà không chánh chấp, văn lược không phạm, y theo luật có năm.

1- Xả nếu để đất cho.

2- Hoặc sai người cho.

3- Hoặc cho cha mẹ.

Nghĩa là đối với ngoại đạo trong luật Tăng-kỳ không khai.

4- Cho người giữ tháp làm phòng riêng, tính giá tiền làm thức ăn mà cho.

5- Hoặc thế lực mạnh cướp đoạt đi.

Giới thứ bốn mươi hai: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Trưởng giả vì Bạt-nan-đà mà cúng dường tăng thọ trai, lúc ấy giờ Ngọ sắp mới đến, Tỳ-kheo ăn xong không no, lại thành La-duyet, đại thần được quả khien trong tăng chia ra, sau ăn rồi đến nhà khác, tăng không ăn được, do hai duyên này nên Phật chế. Trong tâm giới nói đồng lợi tức đồng thọ thỉnh, hễ thọ người khác thỉnh có duyên vào xóm, phải bạch đồng thỉnh liền biết còn ở, không bạch nên phạm giải thích trong duyên đầu tiên. Trong luật Tăng-kỳ hai tội đọa của giới trước đã dẫn trong nghĩa quyết, do văn chế đồng lợi thì y cứ nhiều người không nói thỉnh riêng nên y theo Tăng-kỳ khiến nhà bạch thỉnh, đồng nhau hợp làm, hoặc có thể đến trên hai chữ thoát, tức phối hợp ở trên hai lần bạch. Trong luật trở xuống dẫn chứng, thường thỉnh nghĩa là cúng dường lâu dài không dứt. Xen nhau đến nghĩa là ta đến nhà kia họ đến nhà này, giải thích trong bốn pháp sau.

Ban đầu giải thích ăn theo thứ lớp, lúc ăn truyền nhau để làm giờ thìn, lấy đây làm chính giữa để phân ra trước sau, trong chú giải đồng

thời trải qua tức trải qua thời và phi thời. Kế giải thích các nhà nên hiểu. Bạch trở xuống là nói dẫn dò trao cho. Ban đầu nói người sở thuộc, văn chú giải lựa khác, do phi thời bạch chung trong ngoài giới, như ở sau nói mất pháp dẫn dò, có sáu duyên giữa đường trở về là y theo dứt ý không đến nên mất, hoặc nhà khác chẳng phải đến nhà sở thuộc, không trở xuống là kết phạm. Trong phần không phạm, văn đầu tiên có sáu tiết, bốn pháp trên nên hiểu. Thứ năm luật nói nếu không có Tỳ-kheo không dẫn trao mà đến chỗ khác, v.v... vì không có pháp cho nên trái, sáu nhà mà nhà thỉnh như muốn đến nhà thỉnh kia, giữa đường nhà khác qua đời, do đó mà tạm dừng. Văn luật lại khai cho nạn duyên, nay đây sơ lược, trong bộ khác thì Thập Tụng nói về chánh đủ. đây là khai trái thỉnh cũng cho phép không dẫn dò. Luận Tát-bà-đa nói phạm không liên quan đến giới này, hoặc liền đến khiến chúng không biết, ít có đồng cho nên nói theo đây, quyển sau tức thiên phó thỉnh.

Giới thứ bốn mươi ba: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ Ca-lưu-đà-di để ý người vợ của bạn lúc còn ở thế tục. Sau đến nhà đó, người vợ thân xinh đẹp, người chồng rất thương, Tỳ-kheo ăn rồi ngồi lại, người chồng tức giận, cho nên Phật chế. Giải thích tên bốn cách ăn:

1- Đoạn thực (thô tế là hai, thô thì dễ biết, tế nghĩa là trong thức ăn có mùi thơm từ cõi trời đến kiếp sơ thực ăn không biến thành dơ, như dầu mỡ cát rải lên thi thể người, gọi là Tế.

2- Xúc thức (căn, cảnh, thức cả ba hòa hợp sinh ra các xúc như thấy sắc sinh ưa thích, v.v... nay đây ngay giới.

3- Tư thực: nghĩa là ý nghiệp, tâm suy nghĩ trông mong sẽ sống lâu.

4- Thức thực (chúng sinh trung ấm, địa ngục cõi Vô sắc nhập định diệt tận, tuy không có hiện thức mà biết được chỗ ở. Tiểu thừa thì thức uẩn, Đại thừa tức thế lực A-lại-da giúp cho nhập trì các căn).

Đoạn thực hạn cuộc ở cõi dục, còn ba pháp chung cho ba cõi, lược biết như thế, họ y cứ vào pháp tướng, vì có thể rộng, năm pháp ở sau dẫn chứng. Trong năm phần tình là y cứ vào thức luận, trong luật Tăng-kỳ nêu đủ ba pháp căn, cảnh, thức, trong duyên thứ hai luật Thập Tụng nói dứt dâm, nghĩa là vợ chồng tu phạm hạnh. Thọ trai là tám giới, dứt chánh dâm, trong ba pháp luật Ngũ Phần ngăn ngừa việc khiến vợ chồng họ không được tùy ý, trong luật Thập Tụng nói nhiều người tức đồng với người thứ tư, cho nên trong bốn pháp ngoài ba người lại có một người, không phạm nên nói là thứ tư. Trong luật Tăng-kỳ phân biệt

chẳng phải người chứng, luật ấy có bạn Tỳ-kheo không phạm, người tại gia tuy nhiều cũng phạm, trong luận Tát-ba-đa nói hai thầy, cha mẹ là người tôn quý, ở nơi tòa không phạm, trong luật Tử Phần khai duyên và chung cho đạo tục, không đồng với Tăng-kỳ khoa kế có của báu là luật nêu vàng bạc chân châu, v.v... Tức dùng các thứ đồ trang nghiêm thân gọi là người nữ, dẫn trong luận hiển bày ý rất dễ thấy, trong luật không phạm nếu duỗi tay và ngồi ở nhà (mình ở bên trong không đến thì phạm). Nếu hai vị Tỳ-kheo làm bạn có biết người khác, hoặc người khác ở một chỗ (y theo đây chung với thế tục). Nếu không mù điếc (xen thiếu Đột-cát-la, đều thiếu không có chứng cứ) hoặc từ trước qua mà không ở (nhiều người xử làm) hoặc kinh phát ngã trên đất, thế lực giải duyên nạn mạng ống, nạn phạm hạnh, v.v... đều khai.

Giới thứ bốn mươi bốn: Ca-lưu-đà-di nghĩ giới trước khai duỗi tay đến chỗ ngồi ở nhà, liền cùng người nữ ở sau cửa sổ cùng ngồi nói chuyện với lấy sự chê bai nên Phật chế. Nếu theo giới bốn cũng nêu nhà ăn, chính là nhân trước mà chế, còn như luận phạm không cần nhờ nên lược nói. Trong duyên chỗ vắng, luật nói: nếu cây tường vách rào chắn, hoặc áo và vật khác ngăn che.

Giải thích thứ ba trong luận Tát-ba-đa nói trong ngoài nhà kế nêu bày ba tướng, thời nay vào xóm làng phải dẫn theo tịnh nhân, hoặc ngồi đối diện người nữ chớ để lia thân, sẽ được khỏi lỗi, không như vậy thì trong luận kết phạm. Trong luật Tăng-kỳ đầu tiên phân biệt chẳng phải chứng, bảy người ba loại.

Ban đầu ba loại thân thuộc tịnh nhân nhỏ, trẻ thơ không hiểu, ngu mê không biết, đều không thể sợ, chữ đại đội là thái.

2- Không nhất định và gượng ngồi trong đó rồi giải thích, nên chú giải hiển rõ ý lớp lớp, như tịnh nhân ở sau nói mượn duyên thành chứng.

3- Tướng có thể phân, không phạm đều đồng như dẫn trước.

Giới thứ bốn mươi lăm: Cũng do Ngài Ca-lưu-đà-di ngồi chỗ trống với người nữ, với lấy sự chê bai cho nên Phật chế. Nêu duyên thứ hai chú thích chỗ trống, do hai chỗ ngăn che này đều không chướng ngại, trước nói bụi mù tối tăm gọi là thấy ngăn che, thường nói không nghe tiếng gọi là không nghe chỗ khuất. Trong phần phạm tướng, luật Thập Tụng đầu tiên y cứ vào mọi oai nghi của thân. Cách nhau trở xuống là y cứ vào chỗ gần xa, tướng tội thay nhau giảm, lỗi chê bai cạn sâu.

Một tấm tám thước nằm trong duỗi gang tay. Trong điểm trước, trước dẫn luận Thập Tụng chỉ nói không phạm, sợ trước sót bút nên gởi gắm, điểm ghi. Hoặc có ý riêng, người đến càng rõ ràng, chú thích giới chỉ cho không phạm đồng với trước.

Giới thứ bốn mươi sáu: Phạt ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà tranh chấp với một Tỳ-kheo nọ, trong tâm giận ghét, bèn dụ Tỳ-kheo này đến chỗ không có thức ăn trong thành, khi trở về bèn đuổi ra khiến không được thức ăn và bị đói, Phạt do đó kiết giới.

Về duyên phạm thứ ba là không có các duyên, tức trở xuống là không phạm kiến chấp phá giới, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... không phạm có ba: sơ, trước và hậu khiến. Nếu bệnh trở xuống là hai duyên trước khiến sau tống, nếu phá giới, v.v... thì không cùng mà khiến. Văn khiến phương tiện, lại nói tâm chê bai đều có lỗi nhỏ.

Giới thứ bốn mươi bảy: Phạt ngự tại nước Thích-sí-sầu, thí chủ thỉnh tăng cung cấp thuốc, nhóm Tỳ-kheo sáu vị xin khó được thuốc, vì cầu xin bèn quở trách, mắng nhiếc, do đó Phạt chế giới.

Tên giới bốn tháng lại từ duyên nói, y cứ trở xuống luật Tăng-kỳ nói một tháng, nửa tháng. Duyên phạm thứ nhất, luật Thập Tụng nói bốn thứ thuốc đều phạm, thức ăn đúng thời thọ quá bốn tháng phạm ba-dật-đề, đòi hỏi các thứ các phạm đột-cát-la (nghĩa là chẳng phải bốn thứ thuốc), bốn tháng đã qua mà tìm thuốc bảy ngày, thuốc trọn đời cũng phạm ba-dật-đề, thuốc phi thời phạm đột-cát-la. Năm thứ không nhân duyên tức ở dưới có bốn duyên. Trong giải thích, luật Tăng-kỳ nói có ba thời, mỗi thời có bốn tháng, đều có quá hạn.

Trong phần không phạm có bốn duyên: Một là thường thỉnh, hai là lại thỉnh, ba là phần thỉnh, bốn là thỉnh suốt đời. Sớ chép, thường và suốt đời có gì khác nhau? Y cứ vào năng sở để phân. Trong phần chỉ bày phạm vẫn đồng với nghĩa xưa, theo sớ thì trái lại, sớ ấy chép: Giới này đòi hỏi nhẹ quá hạn nên nặng. Sớ dĩ như thế là vì trước có tâm tốt cho thuốc trong bốn tháng, kỳ hạn đã mãn, tâm cúng dường đã dứt, thọ quá hạn làm cho bực bội, tổn bại càng sâu. Lại y như trước thọ thỉnh làm cho người vui, quá ngày cho nên nặng, còn lại không dẫn đủ.

Giới thứ bốn mươi tám: Phạt ngự tại nước Xá-vệ, người dân làm phản, vua đem quân đánh dẹp. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị đi xem quân trận, vua Ba-tư-nặc không vui, nên Phạt chế giới này.

Trong ý nghĩa chế giới, một là nói trụ trì, hai là nói hóa tha, ba là thành tự hạnh. Do xem quân lính chiến đấu hung bạo, không có lòng từ bi, mất các lợi ích tốt đẹp. Về duyên đầu, trong luật trở xuống cho đến một con ngựa, một quân lính, một chiếc xe đều phạm. Thứ ba tức trở xuống là được mời, đường xá bị cắt đứt v.v... cho nên khai.

Trong phần giải thích khoa đầu, luật Tứ Phần đầu tiên là nói phạm, hai câu trên giải thích quân trận. Hý nghĩa là lúc đạo đi giáo hóa, Chân nghĩa là chính lúc chiến đấu, luật nói hoặc hý hoặc đấu, tướng ấy có thể hiểu. Nếu quân trở xuống, kể là nói gặp nhau. Phương tiện nghĩa là tuy trở xuống là đi mà mất liếc. Hoặc bị trở xuống là nói không phạm. Luật nêu nhiều thứ là hoặc có việc nên đến, hoặc xuống đường để tránh thú dữ, cướp bóc, nước lụt, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... không xuống đường không phạm. Trong phần giải thích thứ hai, luật Tăng-kỳ đầu tiên là nói gặp quân lính, dựa theo ý mà đoán phạm. Nếu trời trở xuống là nói chẳng phải quân trận, ba tướng đều nhẹ. Thiên Vương là nghi thức của vua chúa, hàng phục súc sinh, tranh đấu với người đều do nhân mà Phật chế. Luật Thập Tụng nói do thấy tàn sát lẫn nhau để sinh tâm nhàm chán xa lìa, tuy có văn này nhưng người đời phần nhiều ý lại, tự chẳng thực hành, đến xem đều phạm.

Giới thứ bốn mươi chín: Nhóm Tỳ-kheo sáu vị có nhân duyên đến trong quân trận ngủ đêm, bị người chê bai, nên Phật chế ra giới này.

Duyên đầu tiên, luận Tát-bà-đa nói có bốn ý, ba ý trên là lợi tha, ý thứ tư là lợi ích cho người ấy. Luận ấy lại chép: Nếu không khai mà đến bèn hủy bán rằng: Tỳ-kheo có mong cầu, không mời mà tự đến, khi không có mong cầu thì dù gọi cũng không đến. Nếu đến nói pháp thì khiến ngộ đạo quả, nên khai cho đến.

Luật nói không phạm là ngủ đến đêm thứ ba, khi minh tướng chưa xuất hiện phải rời chỗ thấy nghe, đường nước, đường đất bị trở ngại, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... không đến đều khai.

Giới thứ năm mươi: Nhóm Tỳ-kheo sáu vị có nhân duyên ở trong quân xem năng lực chiến đấu, một người bị tên bắn trúng phải trở về, với lấy sự chê bai cho nên Phật chế giới này.

Giới này do giới trước mà chế, sơ chép: Đã có duyên đến thì nên ngồi nói pháp, sau đó xem chiến đấu với nhau bị gươm đao hươu trúng, phạm đồng với lúc đầu (tức giới xem quân trận, không phạm cũng đồng với giới trước, cho nên văn không nêu).

Giới thứ năm mươi mốt: Phật ngự tại nước Chi-đà, Tỳ-kheo Sa-già-đà hàng rông cho vua Tâu-diệm-di thấy, được thưởng rượu, uống say nằm trên đường, do đó Phật chế giới.

Trong ý chế giới, luật này ban đầu nói lên lời dạy trang nghiêm của Phật, hễ muốn cứu giúp thì phải vâng lời thầy dạy, không được chống trái, bèn trở xuống là nói chế gấp. Thời nay học pháp phần nhiều uống rượu, gặp lời dạy từ bi này sao không tự hổ thẹn? Nhân trở xuống là hiển bày lỗi: một là sắc mặt xấu xí, hai là thiếu sức khỏe, ba là mắt nhìn không rõ, bốn là hiện tướng sân nhuế, năm là phá hoại nghiệp cứu giúp chúng sinh, sáu là thêm tật bệnh, bảy là thêm tranh đấu kiện tụng, tám là không có tiếng tăm, chín là trí tuệ kém ít, mười là khi qua đời đọa vào ba đường ác. Xét mười lỗi này hiện tại thấy rõ ràng. Người đời ngu si lại nói tăng thêm sức khỏe, trị bệnh, chẳng lầm hay sao? Luật Ngũ Phần duyên đồng với Tứ Phần. Luật ấy nói Tỳ-kheo Sa-kiệt-đà, âm Phạm hơi khác. Phật nhóm họp trở xuống là lập chế đầu tiên bày lỗi, hai câu trên không cung kính, hai câu cuối không có oai đức, nhân trở xuống là chánh chế. Luận Tát-bà-đa, câu đầu nêu chung chế nặng, nặng trở xuống là nêu việc, giải thích riêng có ba: Đầu tiên là thành nghiệp nghịch phá Tăng, cho Phật là người say mọi người đều không tin, cho nên trừ ra. Hai là nặng phá giới. Tất cả là gồm năm, tám, mười. Luận ấy chép: Có người uống rượu hành dâm cả mẹ, trộm gà, giết người, người hỏi đều nói không làm, bốn giới còn phá, các giới khác có thể biết. Bởi đều do gốc thần loạn, ý buông lung, họa lớn của Sa-môn có thể không như thế hay sao? Là điều ác của ba chúng còn lại, tức chẳng thuộc về giới, vì là ba nghiệp bất thiện.

Trong phần giải thích khoa đầu, luật Tứ Phần trước tiên là nói rượu này bất luận sắc, hương, vị đều là do thảo mộc làm ra, luật chép: Rượu làm bằng nước trái cây, rượu trái Diêm-phù, cam-thô, xá-lâu-già, rượu nho, v.v... nếu chẳng phải trở xuống là chẳng phải rượu, đủ cả ba đồng là rượu, hẳn là không đủ, như trở xuống là nói về rượu ngọt, chỉ phạm cát-la. Nếu rượu trở xuống là nói hòa với thức ăn, theo chú giới chữ nấu trở xuống là chủ nhiều rượu, ở trên nói phạm nặng, nếu ngọt trở xuống là nói kết tội nhẹ. Luật cho rằng rượu vị ngọt, rượu vị chua, nay vẫn hợp lại. Luật Thập Tụng nói năm thứ đều phạm tội đọa, đều làm cho say. Luật Tứ Phần kết tội đột-cát-la, vì lẽ chẳng làm cho say. Y là cặn rượu, ăn bã rượu làm cho say, đối với nghĩa khó hiển bày, cho nên dẫn luận Tát-bà-đa để giải đáp. Luận chép: Dùng lúa mì và cỏ thuốc hòa với rượu, sau đó để cho khô rồi mang đi, hòa với nước uống làm

cho người say. Khoa kế, đầu tiên là dẫn luật, cảnh tượng sự đồng giới dâm. Trong chú thích, câu đầu tiên là bày văn luật, câu kế là nói nay giải thích, cho rằng trước có phương tiện muốn uống. Đến sau khi uống bèn sinh nghi chẳng phải rượu, tâm sau không phạm, thành phương tiện trước, cho nên phải kết tội nặng, trước phải là vô ý, mê vọng mới khai. Sở chép: Các sự y cứ vào tâm, từ cảnh mà chế, ý của tôi thì khác, thánh chế có khi vẫn thiếu không rõ, đâu có người trí nào xưa nay không ngửi nước ép trái cây mà uống lầm, có thể kết tội ba-dật-đề hay sao? Luật Thập Tụng nói kia y cứ không xem xét, đồng với nay chấp cảnh. Xét thì chẳng phải ý có thể chứng tâm mê, không có phương tiện.

Trong phần không phạm, văn đầu có hai duyên được giải thích, khoa kế dùng lời luật rộng dẫn luận để giải thích. Trong Ngũ Bách vấn phải dựa theo y ngữ để quyết định có thể hay không. Gượng trở xuống tức là xúi giục người khác phạm. Kế là dẫn luật Thiện Kiến hẳn là không có hai thứ hương và vị. Theo ý luận thì phải biết chế gấp, không thể lạm gá tăng-kỳ trong ba, nước trái cây ép đồng với rượu ngọt ở trên, bã rượu trộn với cơm phạm ba-dật-đề cũng y cứ vào tính chất làm cho say. Mầm là mộng lúa, tức mạch nha, xứ này có nhiều vật làm từ mộng lúa, khí vị hoàn toàn vẫn làm cho người say. Ở đời có nhiều người tham ăn, rất khó tiết chế. Nghĩa rằng Tây Trúc vốn không có cho nên giáo pháp không cấm, y theo bã hèm ở trước đủ để làm ví dụ, bậc cao sĩ có đạo hãy mau chữa bỏ.

Giới thứ năm mươi hai: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị tắm gội đùa giỡn tóe nước lẫn nhau dưới sông A-kỳ-la-bà-đề, vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi đứng trên lầu nhìn thấy. Phu nhân sai người đem đường phèn đến dâng cúng Phật (và bạch lên việc đó), Phật liền quở trách và chế giới.

Trong ý chế ra giới này, một là hoại pháp, hai là tổn người, ba và bốn là tổn mình. Phật Từ bi chế giới làm cho tổn hại thành ích lợi. Duyên phạm thứ hai, nghĩa là đi đường qua sông, v.v... đều không phạm. Trong phần giải thích có dẫn văn luật Tư Phần, nhiếp tướng cùng tạn ở đây. Tội có nặng nhẹ, tùy việc khác nhau, đều y cứ vào ý đùa giỡn, không phạm có ba duyên đều chẳng phải ý đùa giỡn: một là trên đường đi có qua sông, hai là lặn xuống nước lấy vật, ba là học bơi để phòng tai nạn. Y cứ theo chú thích giới trở xuống phần nhiều là chữ Phù, hươ tay vễ trong nước, cách học bơi phải như thế, do đó mà té nước.

Giới thứ năm mươi ba: Phật ngự tại nước Xá-vệ, trong nhóm Tỳ-kheo sáu vị có một vị chọc lét, trong nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị có một vị gần chết, do đó Phật chế giới.

Về tên giới, xưa cho rằng dùng tay chọc dưới nách làm cho nhột, nếu theo duyên phạm thì phải có ý làm cho người bực bội, cho nên biết thành phạm, chẳng phải chỉ đùa giỡn. Trong phần giải thích, luật Tăng-kỳ cho rằng xúc phải nói về ý làm cho người bực bội, nói kéo y là ý ngăn ngừa sâu nhất. Nếu như luật Tứ Phần thì khi ngủ xúc chạm nhau đều khai. Luật Ngũ Phần phân biệt với loại khác, luật Tứ Phần phân biệt với vật khác.

Trong phần không phạm nói lược qua lại quét đất làm quơ đầu gây đụng người.

Giới thứ năm mươi bốn: Phật ngự tại nước Câu-thiểm-tỳ, Xiển-đà muốn phạm giới, các Tỳ-kheo can ngăn rằng đừng làm, nhưng Xiển-đà không nghe lời can ngăn của các Tỳ-kheo, liền phạm các tội, cho nên Phật chế.

Trong duyên, đầu tiên là nêu chung năm duyên, từ đây trở xuống là điểm bốn duyên trên, trong năm tội tăng tằn trước là trái mạng lệnh của Tăng, lại tùy theo lời can ngăn liền kết. Ở đây người khác can ngăn phải đợi làm thành, nếu không thì làm việc liền thành thọ khuyến. Lại không đồng trở xuống là chống lại lời khuyến học giới, can ngăn đừng phạm, nói ra liền dừng. Sự can ngăn này làm liền phạm, đợi làm mới thành trái. Không phạm là chỉ cho ở trên, nếu không có người trí can ngăn bảo rằng: “Hãy hỏi thầy Hòa thượng của ông, nên học hỏi lại, v.v..., hoặc cười giỡn, nói một mình trong mộng, hoặc nói lầm”.

Giới thứ năm mươi lăm: Phật ngự tại nước Ba-la-lê-tỳ, Tỳ-kheo Ca-ba-la làm thị giả cho Phật, cầm chiếc móc làm cho Phật sợ hãi ở chỗ Ngài đi kinh hành, lúc trời sáng Ngài chế giới này.

Trong duyên có ba, bốn, hễ có bất cứ một duyên nào đều thành phạm. Luật chép: Nếu nói sắc, thanh, v.v... làm cho sợ hãi mà rõ ràng thì phạm Ba-dật-đề (ở đây y cứ vào nói), lại chép: Nếu dùng sắc thanh làm cho người sợ hãi thì mỗi việc đều phạm tội đọa (ở đây là chỉ bày tướng). Nói sắc làm cho sợ hãi là làm hình tướng voi, ngựa, quỷ, v.v...; âm thanh làm cho sợ hãi là tiếng trống, tiếng kêu la, v.v...; hương làm cho sợ hãi là mùi cây lá, hoa quả và mùi hôi, v.v...; vị làm cho sợ hãi là vị chua, ngọt, đắng, chất khiến cho người sợ hãi; xúc làm cho người sợ hãi

là nóng lạnh, nặng nhẹ, thô tế, trơn rít khiến cho người xúc chạm sinh sợ hãi; pháp làm cho người sợ hãi như nói: “Tôi nằm mộng thấy thầy chết, bỏ đạo, v.v... Năm là thấy nghe: Đối với hai duyên ba và bốn ở trên. Bất trở xuống là nói về phạm, trong phần không phạm, ban đầu là khai sắc thanh, tăng hắng là tiếng ho, nếu dùng trở xuống là khai chẳng có ý, cho nên chung cả sáu trần, nếu thật trở xuống là nói về pháp trần, trở xuống là khai cho giỡn lầm có thể biết.

Giới thứ năm mươi sáu: Phật ngự tại nước La-duyệt-kỳ, trong vườn Trúc có ao, vua Bình-sa nghe các Tỳ-kheo thường đến tắm ở đó. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị lúc gần sáng xuống ao tắm, vua và thế nữ đến ao, gặp nhau vua không tắm được, đại thần chê bai phiền giận, Phật nhân đó chế giới.

Giới gọi là lỗi, nghĩa là chưa đến nửa tháng vượt quá Thánh chế. Sở nói là giới chưa đủ nửa tháng mà tắm, nếu y theo sau thì khai cho năm việc ở biên phương được thường tắm gội, vì sinh việc lành cho người đời. Cho nên biết giới này chỉ chế ở giữa nước, còn đây là hợp với biên địa, chấp là thường khai. Nhưng ít việc biết đủ, y theo sự chế lập càng tốt. Giải thích khai duyên: Khoa đầu có sáu, trước tiên là nói về mùa nóng, sau mùa xuân bốn mươi lăm ngày, từ mùng một tháng ba đến ngày rằm tháng tư. Tháng giêng đầu hạ là ngày 16 tháng 04 đến ngày rằm tháng năm, gồm bảy mươi lăm ngày gọi là mùa nóng. Năm duyên như bệnh, v.v... đều y cứ vào cực thấp làm giới hạn khai cho. Lại nói rõ về ý của giáo, chỉ là y cứ vào lạc. Hàng hạ lưu doanh thân vô độ, vì chẳng phải lỗi lớn nên tùy việc mà dung thông. Ở dưới dẫn luận Tát-bà-đa nói riêng về duyên đầu, tức đồng với trên giải thích. Ở xứ nóng, sớm muộn bảy mươi lăm ngày là nhất định, cho nên nói dùng hạn này. Khoa kế là luật Thập Tụng nói có bốn, đầu tiên là khai trong mùa mưa. Nếu trở xuống là nói có duyên phải bạch, nghĩa là có khai duyên trên nói lên chẳng phải chuyên ý, không được trở xuống là nói đồng với thế tục có được không? Vì thế tục mà chế tội, bỏ đạo trái nghi. Nếu trở xuống là đặt ra cách tự tắm gội, luật Ngũ Phần chế không chung cho người thế tục, Thâu-lan-già lẽ ra là phạm hạ phẩm, luận Tát-bà-đa đầu tiên là nói chế cho thế tục, luật Thập Tụng chấp nhận khéo léo, luật Ngũ Phần chỉ chế trong thất, chẳng bằng văn luận chỗ khuất, chỗ trống đều y cứ, cho nên chú thích. Phải trở xuống là nói về y tắm mưa, kiết-chi tức kỳ-chi, phải lường bốn phương mặc vào mình mà tắm. Hai ý chế giới ban đầu có hổ thẹn, thời nay lửa hình do không biết hổ thẹn. Ý kế là dẫn duyên

có thể hiểu. Trong phần vị tha, vì người mà khai mình, cùng nhau làm việc. Trong hai pháp, đầu tiên là nêu thời hạn, không cần hắc nguyệt, bạch nguyệt. Nếu trở xuống là nói về cách tắm. Nói không duyên là do y theo chế hạn không cần y cứ vào duyên. Thợ gốm là thợ sành sứ. Về cách tắm rửa, trước là hạ, sau là thượng, đối với sự thuận tiện cho nên chấp làm pháp thức. Quyển hạ chỉ cho thân Tạng Hạnh.

Giới thứ năm mươi bảy: Phạt nự tại thành Khoáng Dã, nhóm Tỳ-kheo sáu vị nhật củi đốt lửa ở chỗ trống, rấn từ trong cây bò ra, sáu vị hoảng hồn ném củi đang cháy làm thiêu rụi giảng đường của Phật, vì thế Phật chế giới.

Trong giải thích, luật Ngũ Phần nói bốn ngón tay tức bốn tác, đó là chùng hạn, luận Tát-bà-đa tùy theo việc gì? Việc là chỉ cho vật, luật ấy nói gồm có năm việc: Một là cỏ, hai là cây, ba là phân bò, bốn là vỏ cây, năm là phần tảo. Nếu trong cùng một lúc bỏ cả năm thứ vào lửa phạm Ba-dật-đề, bỏ từng thứ vào lửa phạm từng tội Ba-dật-đề. Trong luật Tứ Phần trước nói về duyên khai. Sợ cho là đất sống cho nên chú thích để phân biệt. Nếu trở xuống là nói không có nhân duyên kết phạm, lại xếp vào bốn vật. Trong luật lại có cành lá, trữ ma, sô ma, phân bò cũng thuộc về bốn (ba thứ trên là cỏ cây, một thứ dưới là phần tảo) nếu nửa câu tiêu dứt cùng với đốt than ở dưới đều là một việc. Luật chép: Nếu bị đốt nửa tiêu mà ném vào lửa và đốt than thì phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ trước là nói bốn tội, quay lửa thành vòng luật ấy gọi là lộng hỏa luân, nghĩa là dùng tay quay đuốc thành vòng tròn lửa. Nếu trở xuống là nói gồm phạm. Hai là câu đốt lửa dứt, ở trước chữ bỏ một chữ Nhược, bản xưa thì có, cho là đốt đất sống. Lại phạm giới đào đất thì có ba tội, theo văn có hai tội, ở đây y cứ theo nghĩa mà thêm, cho nên trở xuống lại dẫn văn ấy để chứng minh. Ở đây y cứ hễ có thì không cần nhất định phải đủ. Nếu ở chỗ đất chết lại đốt củi khô thì chỉ phạm giới này.

Trong phần không phạm, đầu tiên là pháp khai, nếu trở xuống là đã bệnh, hữu trở xuống là sẵn sóc bệnh, nếu ở trở xuống là làm các việc.

Giới thứ năm mươi tám: Phạt nự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị lén lấy y vật của nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị đem giấu, các Tỳ-kheo xét biết (bèn bạch lên Đức Phật) Phật do đó chế giới.

Duyên đầu là văn hạ chúng, trong luận Tát-bà-đa nói vật phi pháp

phạm tội nhẹ. Bất tịnh là kia làm y bằng nhiều thứ lông lạc đà, lông bò, v.v... nay dùng hai chữ bất tịnh để thế. Chưa trở xuống là nói đúng như pháp kết tội nặng. Trong chú thích, dùng y màu bát trắng y cứ theo lý thì lẽ ra là đồng, mà luận chia ra nặng nhẹ thì biết y màu nhất định là phi pháp cho nên đặc biệt nêu ra. Không phạm có năm: Vì có chữ hoặc gián cách nên đầu tiên là đồng tâm, hai là yêu mến tiếc giữ, ba là răn dè, bốn là mình có, năm là nạn khai. Chú là quốc cấm cửa bến, hoặc cất y lia y mà ngủ. Y theo đây thì nạn khai là lệ theo quyết lia y, cho nên nói không phạm tội. Nếu làm ăn mua bán mà phạm vào vật cấm thì gọi là trộm thuế, còn bao nhiêu tùy theo đạo cụ trên thân so sánh mà được tự cắt.

Giới thứ năm mươi chín: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị chân thật tịnh thí cho Tỳ-kheo bạn thân, sau không nói mà lấy lại mặc, do đó Phật chế giới.

Trong phần giải thích nghi ngờ, phạm và không phạm, tăng ni đều nặng, ba chúng dưới đều nhẹ, không phạm chánh tội. Nói tướng giải thích đủ là chỉ cho luật giải thích rộng. Số chép: Vì nói năm chúng đều có phạm tướng, tuy nặng nhẹ khác nhau, nhưng tịnh thí nghĩa đồng, cho nên nêu tên chung. Còn tịnh pháp thì tự theo luật pháp; trong phần phân biệt khác, tịnh thí có hai: Chân thật tịnh thí thì vật qua bên chủ, cho nên có thì lấy ngay, còn triển chuyển tịnh thí thì không như thế, lấy dùng đều được.

Giới thứ sáu mươi: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị mặc y màu trắng mà đi, bị người thế tục chê cười, do đó Phật chế giới.

Trong tên giới lại y cứ ban đầu làm không nhiễm, không chướng ngại thế cho nên cũng xếp vào khoa phạm. Dưới là dẫn luật Thập tụng, đối với nghĩa rất dễ thấy. Trong giải thích thứ ba, khoa đầu, luật Tứ Phần trước định về sắc tướng. Kia trở xuống là nói về phạm, chia ra là hai: Đầu tiên là nói không nhiễm. Nếu nặng trở xuống là nói không tác tịnh. Ở trên nêu những ý còn lại, nặng là mền nệm nhẹ là giúp thân, dưới là nói về phi y, tướng nó rất dễ hiểu. Nếu chưa trở xuống là nói gửi nhà người thế tục. Chú thích có hai ý: Ban đầu nói nhuộm hoại là nói về pháp tác tịnh, cần phải nhuộm chung. Nói thành sắc tức là đã nhuộm, vật điểm tịnh rồi mặc, hai thứ tịnh này hễ có một thì liền thành. Phi trở xuống là so sánh chung với y khác. Nếu trở xuống là y cứ theo văn mà xếp vào phạm. Vì văn trước chỉ nói nếu được y không hoại thì phạm

đạo, cho nên nói chung tất cả. Nếu theo phần bày duyên thì chỉ y cứ vào ba y, hoặc có thể kia từ duyên mà chế, hoặc đây là y cứ vào cấp luận mà suy nghĩ. Nhưng y khác nhuộm hoại chỉ y cứ vào giúp thân có thể nhuộm mà nói, cho nên Giới số chép: Phi nghĩa là khăn giầy dùng ba màu nhuộm lại trở thành bị thế tục kinh ngạc, thật rất đáng cười. Khoa kế luật Ngũ Phần nói có hai ý: Một là khác với ngoại đạo, hai là khác với thế tục, ba là ngăn lỗi. Ba thứ ghi nhớ là ba màu. Trong ba thứ, luận Tát-bà-đa chia làm bốn: Đầu tiên là nói vốn nhiễm phi pháp, Uất Kim Căn Phương Chí chép: Xuất xứ từ nước Ô-trượng-na, gốc màu vàng đỏ có thể nhuộm y. Hoàng Lam Chỉ Quy chép: Tức nay là hoa hồng nhuộm màu vàng hồng. Pháp sư Lạc Sa Ứng nói: Lẽ ra gọi là Thán-hựu, Hán dịch là tinh tinh huyết, lam đen tức nay là lam xanh. Điểm vào phạm cát-la là dùng ba màu đúng pháp điểm trên chảnh phải sắc, luận nói chỉ phạm tội nhẹ, nhưng trong luật vốn nhuộm phải đúng, cho nên chú thích phân biệt. Nếu trước trở xuống là nói đối như thành lỗi. Nếu dùng trở xuống là nói điểm sắc là trái. Cho nên trở xuống là nói trước sai sau đúng. Xếp vào các sắc, trừ lụa là nhiều màu, những thứ khác đều màu vàng, giáng là màu đỏ. Luật Tăng-kỳ nói có hai: Trước là nói hai thứ tiếng Phạm thô tế, tức lông tơ tế, trở xuống là nói y khác, tức là thô. Nhưng tế y ở trên, nếu là ba y trước phải nhuộm chung, nếu phục sức khác chỉ cần điểm cắt. Màu xanh trở xuống là nói ba màu dùng để điểm, xanh có bốn thứ, thứ nhất là xanh đồng, là màu đúng pháp, trở xuống đều là màu phi pháp. Màu xanh đá có đá sinh ra màu xanh, có thể mài để lấy, xanh dương cũng từ trong đá sống có thể dùng làm thuốc, màu đen để làm bùn, nghĩa là để bùn vào trong khuôn nhuộm đen mà dùng. Mộc lan chỉ cho y pháp, ở dưới nói luật Tăng-kỳ dịch tại đất Ngô, không thấy mộc lan nghĩa là quả sắc, v.v... luật Thập Tụng nói ba màu đúng pháp điểm lẫn nhau để tác tịnh, trong mỗi y đều có ba thứ, bùn là màu đen, như chú thích mà hiển bày. Trong luật Tứ Phần thường nói mười, hai văn nói về chế ước. Sau dẫn luật Ngũ Phần để giải quyết văn luận trên, tuy không chế điểm mà nói pháp riêng. Trong năm thì luận Tăng-kỳ ban đầu nói chấm lớn nhỏ. Xưa ghi rằng: Giống như đậu xanh ngày nay, không được trở xuống là nói đặt vào ít nhiều. Nếu giặt trở xuống là nói nhiễm ô thành tịnh. Nếu mới trở xuống là nói hễ làm thì không còn, tất cả y nghĩa là y còn lại mới và tế. Nhiếp là vá, nếu chúng trở xuống là nói chung riêng đều thông. Luật nói không phạm là được vải trắng nhuộm thành ba màu, còn lại là nhẹ, nặng, cho đến khăn, v.v... tác tịnh rồi chứa.

Giới thứ sáu mươi một: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di không thích thấy chim, dùng cung trúc bắn chết chất thành đồng lớn, vờ lấy sự chê bai, Phật do đó chế giới.

Trong ý nghĩa chế giới có ba: Một là thuận hạnh, hai là thú đạo, hai thứ này là tự lợi, ba là hóa tha. Tứ đẳng Từ, Bi, Hỷ, Xả, cũng gọi là bốn tâm vô lượng. Phỉ báng: Giới duyên cư sĩ lễ bái, nhân thấy cùng nhau chê bai. Sa-môn thời nay không biết nhân quả, thường hại sinh mạng để no miệng bụng, lóc vảy chặt cánh, lửa nướng nước luộc, chỉ thích ngọt béo, đầu nghĩ đau khổ, dao bén tự cầm, thật là kẻ mặc y phục hoại sắc mà ăn máu thịt, tin La-sát trọc đầu. Trong thế tục, quân tử ẩn đời làm tâm, đạo nhân xuất thế hung bạo, ngang ngược như thế, rất mong hậu học suy nghĩ mà cố gắng. Tuy thích thú trong nhất mà vờ lấy tai ương trong muôn kiếp, đáng buồn thay.

Nói về năm duyên: Một là súc sinh, hai nghĩa là súc sinh, ba có tâm giết, bốn là tìm cách, năm là cắt đứt mạng sống, ba có tâm giết, bốn là tìm cách, năm là cắt đứt mạng sống. Không phạm cũng đồng với trước, chữ không có ý giết và lầm lạc đều khai.

Giới thứ sáu mươi hai: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị uống nước có nhiều thứ côn trùng bị người chê bai, cho nên Phật chế.

Trong phần phân biệt chỉ bày, phải biết hai giới uống dùng đều rất ngăn ngừa. Trong phần trích dẫn khuyên răn nói là khát chết, trong đó nói: Sau mùa xuân trời rất nóng, gặp nước có nhiều côn trùng. Nói sinh lên cõi trời tức là sinh lên tầng trời ba mươi ba, đội mũ báu trước đến chỗ Phật, còn lại đều như vãn. Trong phần giải thích, luận Tăng-kỳ chế phải có thau đựng, hai đầu trở xuống gọi là ứng pháp, không có nước khai cho lá phải lấy thứ khô. Luận Tát-bà-đa duyên khởi nói có chế hạn. Luật Thập Tụng nói phạm tội trái chế thì Đột-cát-la. Trong luật Tăng-kỳ có năm: Đầu tiên nói lượ rồi phải xem, yếm khóa là việc bắt đặc dĩ, có đồng khóa hương dẫn, voi đi bộ còn chậm rãi, hướng chi có chở vật, trở về phải lâu, cho nên lấy làm hạn. Nếu bố thí trở xuống là nói hỏi cách lượ nước. Trùng không nói được, sợ kia biết mà thành phạm, nước có trùng trở xuống là nói cách thả trùng trở lại nước. Không tiêu là trải qua thời gian lâu không được bền chắc. Nếu biết trở xuống là nói biết rồi còn hộ pháp. Trong nguyện ý chỉ cho đồng với trước. Giới sơ chép: Nếu y cứ vào nước có trùng thì nên hợp thành một, vì sinh mạng của vật nặng nên trong ngoài kiết cả hai. Luật nói không phạm là trước

không biết, hoặc nghĩ là không có trùng, hoặc trùng to, chạm vào nước khiến chúng lội đi, hoặc lướt nước uống dùng đều không phạm.

Giới thứ sáu mươi ba: Phạt ngữ tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị hỏi nhóm Tỳ-kheo sáu vị rằng: Làm sao nhập sơ thiền, làm sao được quả A-la-hán. Nhóm sáu vị đáp: Thầy nói như vậy phạm Ba-la-di. Phạt quả trách rồi nhân đó kết giới.

Duyên đầu tiên, luận Tát-bà-đa nêu mười ba mạn, Tỳ-kheo điên cuồng phạm Đột-cát-la, học hối sáu đêm ở riêng. Từ Yết-ma tăng ni nghi lẫn lẫn nhau đều phạm Ba-dật-đề. Giải thích sáu việc thứ ba. Lúc mới sinh, tức nói thầy chẳng phải chừng ấy thời gian mà sinh.

Hai là năm tháng, nói thầy chẳng phải chừng ấy năm như các thọ khác. Ba là thọ giới, nói thầy không đủ tuổi thọ giới, lại giới có riêng chúng. Tứ Yết-ma, nói thầy thọ giới Yết-ma không thành. Năm sáu tụ, nói thầy phạm Ba-la-di cho đến ác thuyết. Sáu thánh pháp, nói pháp mà thầy hỏi là tự xưng được pháp của bậc Thượng nhân phạm tội trọng, chẳng phải Tỳ-kheo. Đọa trở xuống là kết chung ở trên, dẫn luật Tăng-kỳ chỉ khai chánh thọ. Chú thích y cứ không phạm, cũng khai cho thọ sau.

Trong không phạm, hai câu đầu là nêu chung, kia trở xuống là nêu riêng, lại đối với sáu việc trước để nói về khai tướng. Đầu tiên là đến thời sinh khai thứ nhất. Nếu thật vô trở xuống là thứ hai. Nếu thật năm trở xuống là hợp nói ba, bốn. Chú thích quyết đoán thọ lại trước phải nghiên cứu kỹ, thời nay người thọ thường không đủ tuổi, thập sư mù mờ giáo pháp không thể nêu hỏi, trở xuống là sau đàn tràng liền đồng với việc tăng, mạo thọ tín thí, thật đáng thương xót. Nếu thật phạm trở xuống là thứ năm, lại trở xuống là thứ sáu. Sáu thứ trên đều gọi là có tâm Từ bi thương xót. Còn những thứ đùa giỡn, lầm lộn khác, v.v... đều không có ý làm xúc não, nên đều khai cho.

Giới thứ sáu mươi bốn: Phạt ngữ tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đa và Tỳ-kheo bạn thân thường phạm hưởng thuyết mà không nói cho người biết, sau tranh cãi với nhau bèn nói ra, Phạt do đó chế giới.

Danh nêu tội thô phân biệt với thiên dưới. Khoa đầu trong giải thích, luật Thiện Kiến nói che giấu tuy một nhưng có khả năng che giấu đồng tình, nhiều người đều phạm một che giấu, nhiều người nhiều tội nên biết, chú giải trích dẫn luật Thập Tụng nêu tướng phát lồ, chỉ vì nói lên tâm mình vô tư, lại sợ xúc não nhau, cho nên không cần nhiều. Khoa

kế, luận Tăng-kỳ đầu tiên là phân biệt đối với phát lộ, nếu trở xuống là nói nạn khai. Hộ căn nghĩa là ý căn. Trong ba pháp, luận Tát-bà-đa khai nghi, do chưa xét quyết nên không thành che giấu. Trong Tứ Phần có dẫn luật nói phạm, đầu tiên là y cứ ngày đêm đều chia ra thời hạn, thay nhau nói cho hiểu, cho nên biết phát lộ tội lỗi chế hạn trong nửa ngày.

Hỏi: Giờ tiểu thực biết, sau khi thọ thực không nói thì có tội gì không? Đáp: Theo nghĩa để cầu thì đầu hôm, nửa đêm không nói đều phạm Đột-cát-la, đều là phương tiện. Nếu nói về phạm đọa thì phải y cứ vào minh tướng. Trong văn, kết tội đọa do thứ lớp ở trước, lại y cứ vào nửa đêm, gần sáng. Trừ trở xuống là nói về tội nặng nhẹ đã che giấu. Tội khác tức trở xuống là ba thiên. Tự trở xuống là phân biệt tự tha khác nhau. Số chép: Che giấu tội người khác gọi là nặng mà trị nhẹ (chỉ sám hối bốn tội), tự che giấu gọi là nhẹ mà trị nặng. Lại nói che giấu tội người khác có gốc, cho nên chế nặng khiến phát lộ vì giới thanh tịnh. Tự che giấu vốn hoại không cần chế nặng, v.v..., trừ ni trở xuống là phân biệt với chúng khác. Che giấu ni đồng với tăng, luận này nói tội khinh, cho nên phân biệt trừ bỏ, người khác tức ba chúng. Trong phần không phạm, đầu tiên không biết, vô tâm mà che giấu. Không có tưởng thô, do tâm khác nhau, nếu nói với người là đã phát lộ, không có người để nói là thiếu sở đối. Nếu phát tâm là chẳng có ý che giấu. Nếu có các nạn thì như luật Tăng-kỳ ở trên khai cho hộ tâm.

Giới thứ sáu mươi lăm: Phật ngự tại thành La-duyệt, nhóm mười bảy đồng tử vị lớn nhất mười bảy tuổi, vị nhỏ nhất là mười hai tuổi, vì tín tâm mà xuất gia, không thể ăn một bữa, ban đêm kêu la, nên Phật chế giới.

Về duyên phạm, có ba pháp thì phạm, ở đây chế Hòa thượng phạm đọa, các sư khác phạm Đột-cát-la. Trong phần giải thích, luận Tát-bà-đa trước nói chế cho người già. Đầu tiên là chỉ bày chế, trở xuống là nói ý. Vì sức khỏe yếu nên không thể chịu khổ, vì tuổi già cho nên trí kém. Bảy trở xuống là nói chế cho người trẻ. Ban đầu phân biệt với người quá nhỏ cũng không được làm Sa-di. Chưa trở xuống là nói bảy tuổi trở lên không được thọ giới cụ túc, trở xuống giải thích ý cũng có hai: Một là không chịu được khổ, hai là vơi lấy sự chê bai, luật Tăng-kỳ và luận hơi giống nhau, già riêng như trở xuống là hội thông, tạo việc thì tạo là làm, chỉ cho rộng. Quyển thượng là thiên thọ giới, quyển hạ là thiên Sa-di. Trong hội thông chia làm hai, tình là hai bộ đều chấp, luận y cứ sáu mươi tuổi trở lên chịu được khổ nhọc, cho nên đúng như

luật không ngăn. Luật y cứ bảy mươi tuổi trở xuống không chịu được khổ thì đồng với luận cũng chế, cho nên nói cả hai cùng chung không có tổn hại, mâu hợp thành giáo. Trong không phạm có hai: Đầu tiên là nương lời người khác, sư tăng không có lỗi, người thọ không có giới. Nếu thọ trở xuống là khai nghi sau. Có giới không lỗi, y cứ theo đây chỉ khai ba địa vị, một vị lớn nhất, cổ sư tương truyền, cho nên trong giới sơ không dùng cũng được. Trong phần chỉ bày riêng, nói ý có hai, đầu tiên là chỉ rộng, nói các bộ như Già Luận chép: Từ thai mẹ thường lấy tất cả tháng nhuần, trong luật Ngũ Phần đầu tiên là cho phép đếm thai, kế là cho phép đếm nhuần, sau là cho phép tính đủ tuổi Sa-môn. Luận Tỳ-ni Mẫu ban đầu cho phép đếm năm ở trong thai, kế là cho phép đếm tháng nhuần, ba là đếm mười bốn BỐ-tát, bốn là nói thật đặc quả La-hán. Về khả năng chịu đựng, cổ sư nói: Nước này dùng lịch cứ ba năm nhuần một lần, sơ bác bỏ rằng: Các lịch khác nói ba mươi hai, ba mươi ba tháng mới có một lần nhuần, đâu có hạn cuộc ba năm. Chỉ trở xuống là nói lược, đầu tiên là bày ý lược, chỉ thông trở xuống là bày pháp lược. Nói một câu, câu có dài ngắn, tức trở xuống là hai khoa kim cổ, dùng pháp toán cổ để lập nghĩa rất phiền phức, nay dùng số hành để gom chung đại yếu, ý nói rất ít cho nên chỉ một câu. Khoa kế nêu ra trong toán cổ. Kia cho rằng năm đủ mà tháng không đủ thì mới khai cho tăng toán, cho nên lấy nhỏ nhất phải là mười tám năm hai ngày. Liền dùng bình đẳng: Văn sơ rất rõ ràng, ở đây không chép kỹ, chỉ y cứ vào bốn địa vị nêu bày thẳng toán pháp, sơ toán thai pháp. Phần nhiều y cứ đạo tục, lời văn chín tháng là thai. Vì trong thai bảy ngày chuyển một lần, như kinh Ngũ Vương nói bảy lần bảy ngày thành người. Như thế gồm có ba mươi tám lần chuyển, bảy ngày chuyển một lần, gồm có hai trăm sáu mươi sáu ngày, từ đây về trước đồng khí với mẹ, sau đó bốn ngày lúc sắp sinh ra thì khác khí với mẹ. Y cứ thành tháng thì có chín tháng bốn ngày, chung với trước mười tám năm chín tháng sáu ngày. Hai là cách tính nhuần, đại lược là nói mười chín là chương, lấy bảy làm nhuần, ba năm nhuần một lần có ba, cho nên có bảy. Tính trước mười tám năm chín tháng sáu ngày. Một chương vẫn thiếu hai tháng hai mươi bốn ngày, không đủ mười chín năm, y cứ được sáu tháng hai mươi bảy ngày nhuần, chung với trước mười chín năm bốn tháng ba ngày. Ba lần đại pháp gồm cả những năm trước thành hai trăm ba mươi hai tháng ba ngày. Pháp tần đại là bốn mươi chín tháng làm chương, một chương có ba tần đại. Hai pháp đầu là mười bảy tháng, mỗi tháng đều có một đại. Kế là mười lăm tháng có một đại, cứ như thế đến cuối thì trở lại đầu,

cho nên dùng trước một trăm chín mươi sáu tháng thành bốn chương, một chương có ba ngày, tất cả được mười hai ngày, ba mươi sáu tháng còn lại được hai tần đại, thành mười bốn ngày, chung với trước thành mười chín năm bốn tháng mười bảy ngày. Bốn pháp BỐ-tát chung cho mười bốn ngày BỐ-tát, nghĩa là do tháng đủ, số ngày BỐ-tát, nghĩa là do tháng đủ, số ngày BỐ-tát tức là một năm trừ nhuận. Sáu đại được mười hai ngày, sáu tiểu được sáu ngày. Y cứ được mười tám ngày, tính chung mười chín năm bốn tháng, rút ra được ba trăm bốn mươi tám ngày, dùng hai mươi tám ngày làm một tháng thì ba trăm ba mươi sáu ngày là một năm, còn dư mười hai ngày, so với trước lẻ mười bảy ngày cho nên thành một tháng một ngày, chung với trước là hai mươi năm, năm tháng, một ngày, cho nên nói là dài. Trên là nêu ra cổ giải thích lầm. Trong phép tính ngày nay, đầu tiên là nói pháp lui sụt, dài này chỉ cho năm tháng một ngày ở trên. Theo sự thật nghĩa là dùng tháng hư này, lại lấp vào cho thật thì có bốn tháng, mười ba ngày. Giới số có nêu ra cách lấp vá, cho nên có bốn tháng mười tám ngày. Sách ấy chép: Y cứ vào năm tháng thì bảy đại BỐ-tát giảm còn bảy ngày, lại giảm nhuận, còn lại được mười lăm ngày, lại giảm tần đại được nửa ngày. Tính chung giảm được mười ba ngày, giảm ở trước năm tháng một ngày. Y cứ theo thật chỉ có bốn tháng mười tám ngày. Theo tuổi này thì buổi chiều sinh đủ mười chín, tám tháng mười hai ngày nên chuẩn bị được thọ, nếu trừ tần đại thì tám tháng, hai mươi sáu ngày được thọ, nay số sao nói nhuận lại bốn ngày, tần đại thì không trở lại, cho nên chỉ tăng mười một ngày năm tháng, một ngày trả lại mười một ngày, há chẳng phải bốn tháng hai mươi ngày là thật hay sao? Thối giảm nghĩa là trong mười tám năm hai ngày thối trừ bốn tháng hai mươi ngày. Cho nên đến sau tám tháng chín ngày mà thọ tức là ngay mười ngày đã mãn hai mươi. Nhưng đối với ở dưới tính kỹ vẫn thiếu hai ngày, cho nên trong số y cứ yếu kém mà được nhiều chỗ lấp hai ngày. Do nhuận và tần đại đều thãm nhuận chút phần, cho nên lấy nhiều số thối, thành mãn số tăng. Nhưng từ xưa chương ký không nêu ra, nay sư tính pháp. Người học sau phần nhiều mê lầm, không khỏi ràng buộc, cho nên lược nêu ra. Các sư thời nay y cứ năm tháng đều không đầy đủ là khai ra tính năm này. Mười chín là năm tháng trước cùng tận thì ngày mới đủ một năm, thật ra chỉ mười bảy năm bảy tháng lẻ mười một ngày. Lại y cứ bốn giai vị mà nói. Đầu tiên là thai pháp chín tháng bốn ngày đủ với trước thành mười tám năm, bốn tháng mười lăm ngày. Hai là nhuận, mười chín là chương, một chương có bảy nhuận tính chung là mười tám năm, bốn tháng, mười lăm ngày,

vẫn thiếu bảy tháng, mười lăm ngày, cho nên không đủ một chương, lẽ ra được sáu tháng hai mươi ba ngày, cộng ở đây với trước thành mười tám năm, mười một tháng, tám ngày. Ba tần đại mở ra với trước thành hai trăm hai mươi bảy tháng lẻ tám ngày, bốn mươi chín tháng là chương, một chương có ba ngày, dùng một trăm chín mươi sáu tháng làm bốn chương, được hai mươi ngày, trừ ba mươi một tháng lẻ tám ngày, lẽ ra được hai ngày, cộng chung mười bốn ngày đủ với trước thành mười tám năm, mười một tháng, hai mươi hai ngày. Bốn BỐ-tát là mười tám năm mười một tháng, rút ra được ba trăm bốn mươi ngày, đem ba trăm ba mươi sáu ngày làm một năm, thêm thành mười chín năm, bốn ngày còn lại thêm mười một tháng, hai mươi hai ngày ở trước thành hai mươi sáu ngày, y cứ vào hai mươi tám ngày là một tháng thì thiếu hai ngày, giới số nói đến mười hai ngày mới được, cho nên số sao ngày nay ngoài mười ngày lại thêm hai ngày, hợp thành một tháng mới được, đầy đủ hai mươi năm, nay thì số là nhất định, nhưng cách tính này nhiều đời cũng mê, giảng sư đến chỗ này rất là lầm lạc, người học nghe nói chỉ thêm mờ tối, cho nên đặc biệt chịu khó chờ cho là dài dòng, còn như việc tử mĩ thì làm sao viết cho hết được, cho nên lại lược bớt. Trong ba pháp, đầu tiên là chỉ cho sự trải qua của thế tục. Sáu, bảy nhà: Ở đây vì sự thấy biết của sao chủ chưa rõ ai soạn. Một nhà: Cổ ký cũng thường chỉ sai, nhưng là ước đoán không có chỗ y cứ, cho nên nay bất định. Dịch Vĩ tám quyển do Vương Bất soạn, Trịnh Huyền chú giải. Đến trở xuống là chỉ cho nghĩa khác, không viên mãn đặc giới tức trong luật Thập Tụng nói nếu không đủ hai mươi tuổi, tự nghĩ là không đủ, hoặc quên không biết, tăng hỏi đủ hai mươi tuổi chưa, đáp đủ thì đặc giới, đáp không đủ thì không đặc giới. Lại, trong luật Ngũ Phần, luận Tỳ-ni Mẫu trích dẫn ở trước nói pháp đặc giới không đợi đủ hai mươi tuổi. Chỉ cho giới số: Văn này rất rộng, không học thì không biết.

Giới thứ sáu mươi sáu: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị tranh cãi, đúng như pháp dứt trừ rồi, sau lại khởi dậy, cho nên Phật chế.

Duyên đầu có bốn thứ tránh: Một là ngôn tránh, hai là mích tránh, ba là phạm tránh, bốn là sự tránh. Về tư tránh, luật chép: Trừ tránh này, nếu các cuộc tranh chấp, mắng nhiếc khác xảy ra, hoặc xảy ra rồi lại tranh chấp, trừ hai chúng, người khác tranh chấp mà phát khởi thì tất cả phạm Đột-cát-la.

Trong phần không phạm, nếu trước không biết, hoặc xem làm mà

ngĩ là không xem, hoặc sự thật như thế, lời nói bất thiện quán bình đẳng, hoặc đùa giỡn, hoặc nói lầm, v.v...

Giới thứ sáu mươi bảy: Phật ngự tại nước Xá-vệ, có rất nhiều Tỳ-kheo đến Tỳ-xá-ly, những người đi buôn muốn trốn thuế bèn làm bạn với các Tỳ-kheo, bị người giữ cửa bắt được, người thế tục chê bai, Phật nhân đó chế giới.

Duyên phạm thứ sáu: Quá hạn nghĩa là hoặc trong thôn, các chỗ đường đến một đường, phạm Ba-dật-đề, nửa đường phạm Đột-cát-la. Chỗ hoang vắng đi mười dặm phạm Ba-dật-đề, dưới mười dặm phạm Đột-cát-la, tìm cách hẹn nhau mà không đi phạm Đột-cát-la. Trong giải thích, hai luật nói làm bạn đi chung, tuy chẳng phải là giặc, hoặc sợ gần quen, hoặc sinh lỗi chê bai cho nên chế. Theo đây thì đi xa phải chọn bạn lành. Không phạm là trước không biết, không cùng kết bạn mà đi theo được an ổn, thế lực có thể đưa đến nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... đều khai cho.

Giới thứ sáu mươi tám: Phật ngự tại nước Xá-vệ, A-lê-tra có ác kiến nói dâm dục không chướng đạo, các Tỳ-kheo can ngăn không bỏ. Phật bảo bạch tứ Yết-ma can ngăn, sau đó Ngài quở trách kiết giới.

Dâm dục là việc thô ác chướng đạo mà cho là không chướng, cố chấp không bỏ, nên gọi là ác kiến, cũng gọi là ác tà. Tuy miệng nói vẫn làm thương hủy chánh hóa, dẫn dắt vào chỗ mù tối, mở cửa đường ác, làm cho người bị đọa lạc, họa hại rất nặng, đặc biệt phải cấm ngăn. Trong duyên đầu, đây là do nói dâm dục là đạo, không biết ngay nơi sự bày lý, làm cho tánh nhiễm, lại là đại từ, bị chướng rất nặng. Phạm ngu độn căn còn bị ràng buộc chưa lìa dục, hết duyên trở xuống là gieo giống cho rằng sự tu tập ở vị lai, chẳng phải bản ý của Phật, nương dựa vào Thánh giáo, không đạt được ý chỉ sâu xa, chấp chặt giáo hóa người cho nên phải bị quở trách can ngăn, can ngăn mà không bỏ thì lại thêm pháp cử tội. Nay người học Đại thừa phần nhiều rơi vào kiến chấp này, giới chế miệng nói cho nên thực hành quở trách để trị, phải như thân thực hành quyết định phải tận xuất, còn lại đồng với can ngăn ở trước, giới chỉ có tên tội là khác.

Giới thứ sáu mươi chín: Do giới trước cử tội, nhóm Tỳ-kheo sáu vị cung cấp những vật cần dùng, cùng đồng yết-ma, cho nên Phật chế giới.

Trong số có ba ý cho nên Phật chế: Một là làm tăng thêm sự lừng lẫy của kiến chấp kia, hai là phải đồng sự nhiễm sâu, ba là trái mạng lệnh của tăng phạm tội nặng. Trong duyên thứ ba thuận theo có ba: Một là cung cấp những vật cần dùng (có hai thứ là hoặc pháp, hoặc tài vật), hai là cùng đồng yết-ma (đồng thuyết giới yết-ma), ba là ngừng dứt nói năng (tất cả che giấu, chướng ngại, hoặc tất cả che giấu không có tất cả chướng ngại, hoặc tất cả chướng ngại không có tất cả che giấu, hoặc không phải đều che giấu, không phải đều chướng ngại, hoặc kia đây trước sau nhập, hoặc câu thời nhập, hễ mỗi lần hông chấm dứt phạm một tội đọa.

Trong phần không phạm là hoặc không biết, hoặc nhà tất cả lợp mà không chướng ngại, nửa chướng ngại, một ít chướng ngại, hoặc tất cả chướng ngại, không lợp, lợp phân nửa, lợp một ít, lợp và che chướng phân nửa, lợp và che chướng một ít, ở chỗ trống. Hoặc bệnh, bị trói cột, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v...

Giới thứ bảy mươi: Phật ngự tại nước Xá-vệ, hai Sa-di của Bạt-nan-đà cùng nhau làm hạnh bất tịnh, bèn nói ra. Vì muốn không chướng đạo nên Phật bảo bạch tứ yết-ma từ xa can ngăn, không bỏ thì diệt tận. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị dụ dỗ đem về nuôi dưỡng, nhân đó Phật chế giới.

Chỉ cho đồng với trước, số chép: Một là Sa-di bị tận, hai là biết, ba là cùng làm việc, ngủ nghỉ, bốn là tùy việc đồng phạm, ngoài ra đều đồng.

Giới thứ bảy mươi mốt: Phật ngự tại nước Câu-thiểm-tỳ, các Tỳ-kheo đúng như pháp can ngăn Xiển-đà, bèn nói: “Nay tôi không học giới này” nên vặn hỏi những vị có trí tuệ trì luật khác.

Trong giải thích, đầu tiên nói kết phạm, bốn việc tức bốn tội nặng. Năm trở xuống là đối đáp. Kia muốn vặn hỏi cho nên khiến đáp, phải quán sát ý họ. Năm hạng người là: 1 Hỏi thử. 2 Không nghi. 3 Không vì sám hối điều đã phạm. 4 Không nghe lời người khác. 5. Vặn hỏi mà không cần trả lời.

Không phạm là người can ngăn kia si mê không hiểu biết, nói rằng: “Thầy hãy trở về thưa hỏi Hòa thượng, Xà-lê học vấn tụng kinh, v.v...”

Giới thứ bảy mươi hai: Phật ngự tại nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo

cùng nhóm họp tụng tập Tỳ-ni. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị sợ bị cử, bèn nói: Học các giới vụn vặt này làm gì? Cho đến mười ba việc. Phật bèn quở trách chế giới.

Trong ý chế giới, luận Tát-bà-đa có ba ý, đầu tiên tức là giới trọng, là gốc của đạo, hai là tăng thêm hạnh mình, ba là hộ pháp Tỳ-ni, cấm ác, hủy pháp, pháp ác lấy lừng. Lại trở xuống là giải thích nghĩa vụn vặt. Nếu y cứ theo duyên luật chỉ cho ba thiên ở dưới. Oai nghi là vụn vặt, luật y cứ vào rộng lược để nói về thuần tạp. Trong duyên có hai: Khi tụng giới không cần ở trong chúng, năm duyên nêu ba, nghi là chép sót, y theo số thêm vào, bỏ bốn từ, năm từ thì rõ hơn.

Trong giải thích đầu tiên là dẫn luật Ngũ Phần, thời nay những người mới thọ giới muốn tụng giới bản, các sư nhiều khổ chướng hoặc thêm hủy báng, chính là phạm giới này. Luật Thập Tụng đầu tiên là nêu ra lời hủy báng, sợ phạm cho nên nghi nào, có phạm thì nóng bức, nếu trở xuống là dứt phạm. Luận Tát-bà-đa đầu tiên quở trách giới bốn, hai phạm chung riêng trở xuống là nói về bài tựa giới, mắc chung một tội, dẫn luật khế kinh nói phạm Cát-la. Luận Tát-bà-đa nói bốn nghĩa cho nên hủy báng Tỳ-ni phạm tội nặng, một là Tỳ-ni có công năng sinh ra muôn điều lành, hai là tất cả đệ tử Phật đều nương vào Tỳ-ni, ba là thú hưởng đến cửa đầu tiên của Niết-bàn, bốn là chuỗi anh lạc của Phật pháp, các kinh khác nói vô cơ phạm tội nhẹ.

Lại số chép: Ở đây là nói theo Tiểu thừa, tội hủy báng Đại thừa rất nặng, chẳng thể suy lường mà biết được. Tự nghĩ rằng: Y theo chế giáo thì Đại thừa, Tiểu thừa đồng phạm tội Cát-la, còn theo nghiệp đạo thì nặng nhẹ phải phân. Luận Đại Trí Độ chép: Trong đây, kiếp hỏa khởi lên, tội ấy chưa hết, cho nên chuyển đến trong đại địa ngục ở các thế giới mười phương. Nếu kiếp hỏa kia khởi lại xoay vần đến phương khác, kiếp hỏa ở phương khác khởi thì lại đọa vào địa ngục A-tỳ ở trong đây, xoay vần như trước, đây là tội phá Bát-nhã Ba-la-mật. Lại như bài kệ trong phẩm Thí dụ kinh Pháp Hoa có nói rộng về ác báo.

Trong phần không phạm đều cho rằng mong tâm sau tụng chẳng phải hủy diệt, cho nên đầu tiên là khai mở tu tập kinh luận, tuy không phạm điều gì trái với thứ lớp học chẳng phải ý của bốn giáo. Tịnh Tâm Quán chép: Vượt học Không tông Phật không tùy hỷ. Kế là khai duyên bệnh, sai khai tiến hành. Nghĩa là tu thẳng ba học, phá hoặc chứng quả, định sau sẽ tụng. Cho nên biết bậc chí Thánh không trái với pháp chế này.

Giới thứ bảy mươi ba: Bấy giờ, Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có một vị Tỳ-kheo trong nhóm tỳ-kheo sáu vị tự biết mình có tội sợ bị cử, nên đến trước chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh nói rằng: Tôi mới biết pháp này chép ra từ giới kinh. Nhân đó Đức Phật chế giới.

Tên giới sợ cử tội y cứ vào tình kia, sợ nói không thuộc nhĩ giới, suy ra gốc kia. Các cổ sư cho rằng đối trá sợ phô trương giới khác với lời nói nay nhưng ý đồng, luật Tăng-kỳ trong phần giải thích ban đầu nói kết tội, luật kia chỉ y cứ chỗ không nghe. Luật chế phạm tội nặng nhẹ không hẳn đúng như duyên, sợ nói nếu đã có nghe giới tức là đã biết lâu rồi mà nói mới biết thì phạm tội nói dối kết tội Ba-dật-đề, nếu không hiểu biết không thuộc có tội. Thọ trở xuống xuống là nói rõ chế học, hai bộ, một bộ đều y cứ theo quảng luật. Lại tức là giới vốn như câu đầu, trong văn lược chép ba thiên. Nên y cứ như trên: Không thể đương tụng tứ giới bốn chúng... và bài kệ là các điều ác chớ làm, v.v... Như trở xuống là nói chế thuyết, đầu tiên chế năng thuyết, ngoài ra chế thính chúng, các nghĩa nghĩa là tụng kinh, v.v... giới là cốt yếu của hành bổn nhiếp tu, cho nên chánh chế không cho các việc khác. Trong phần không phạm, nếu thật sự chưa nghe thuyết giảng nay mới nghe hoặc nói chơi, hoặc nói lộn, v.v...

Giới thứ bảy mươi bốn: Đức Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, lúc ấy Đạp-bà-ma-la-tử làm tri sự, tặng chúng được y quý bạch nhị yết-ma thưởng cho. Nhóm tỳ-kheo sáu vị sau đó hối hận nên Phật chế giới.

Duyên đầu tiên Tăng vật bốn thứ như giới ăn trộm đã đã nói, hai thứ hiện tiền có thể hòa tăng để thưởng, hai thứ thường trú tất cả không khai tức y, bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn cho đến món đồ đựng thức ăn uống tùy theo sự dùng mà thưởng. Trong ba phần trở lại chê bai tức giới bốn thì các Tỳ-kheo theo bạn thân lấy vật tặng cho. Không phạm việc kia thật sự như vậy theo người thân mà cho, hoặc nói chơi, nói lộn.

Giới thứ bảy mươi lăm: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có nhiều tỳ-kheo luận bàn pháp tỳ-ni, nhóm tỳ-kheo sáu vị bảo nhau các Tỳ-kheo hình như làm pháp yết-ma cho chúng ta liền đứng dậy bỏ đi, Tỳ-kheo gọi đứng lại mà cố bỏ đi, do đó Phật chế giới.

Về duyên đầu, sợ chép: ở đây chỉ dứt bốn việc tranh cãi, người không dữ dục phạm tội Ba-dật-đề, người khác phạm tội Đột-cát-la. Theo duyên thứ năm của luật thì một chân ở trong cửa, phương tiện muốn đi mà không đi phạm Đột-cát-la, khoa đầu trong phần giải thích,

luật Ngũ Phần đầu tiên nói về chánh phạm. Ba lần yết-ma nghĩa là đơn bạch, bạch nhị, và bạch tứ, dưới y cứ che giấu và phát lộ nói phân phạm bằng nhau, hoặc trở xuống nói lỗi nhẹ. Khoa kế, luật Tăng-kỳ ban đầu nói tỳ-ni, nhưng chẳng phải đoạn tránh cho nên phạm tội nhỏ. Bạch nghĩa là thuyết dục, đại tiểu tiện, người không phạm y cứ theo đây tạm bỏ đi liền đến không cần thuyết dục, trở xuống là nói người tụng kinh cũng phải bạch, chỉ bạch bảo người ngồi gần bên không cần trình bày ý muốn, trung gian lời khác vì chẳng phải Ba Tạng chánh giáo. Trong đoạn ba theo luật Ngũ Phần nói phi yết-ma nên không lựa chúng, không phạm trung, văn lược ngậm miệng không nói.

Giới thứ bảy mươi sáu: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị sợ bị cử tội, sáu vị theo nhau không thể nào may y được. Lúc sau may y Tăng bảo thọ dục, liền làm yết-ma với các Tỳ-kheo, sau sáu vị nói: Tôi do việc kia dữ dục, Phật quả trách, do đó chế giới.

Duyên đầu, luận Tát-bà-đa trừ Tăng pháp, các việc khác về sau hối hận phạm Đột-cát-la. Thứ ba người lại hối hận khởi lời nói này người làm yết-ma phi pháp yết-ma, vì không thành ta do việc kia, dữ dục không do việc này. Giải thích đầu tiên nói khai duyên, hoặc dưới đây nói chánh phạm, thuận pháp nghĩa là yết-ma đúng như pháp. Vua trở xuống là nhân chỉ bày chế mà riêng, như nay quốc gia làm sai trái đều là tội nhỏ. Người đời vọng cho áo mâu là vua chế, ngoài ra Tăng phục hoại sắc lẽ ra đều phạm chế, nhưng muốn trong sức chẳng phải đâu biết hủy giáo, trong đó không phạm việc kia thật sự là như vậy, làm yết-ma phi pháp, nói lầm kia đây khai cho.

Giới thứ bảy mươi bảy: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị nghe các tỳ-kheo tranh cãi rồi bèn đến kia nói khiến cho tranh đấu không dứt, cho nên Phật chế giới.

Trong duyên thứ năm là không đợi người nói, sơ chép: giới bốn nói rằng nói với người kia, y cứ vào người nghe ý đến nơi kết tội, hễ nghe liền phạm. Nếu đợi nói với người kia thì rơi vào tội hai lưỡi, lại nói rằng hai lưỡi chưa có tranh cãi, nghe chẳng cần sinh, đợi nói mới có. Đây là trước có tranh cãi đến nghe sẽ sinh, cho nên càng chế trước, đâu đợi kia nói. Trong phần giải thích có ba thứ cùng nói, không cho trộm nghe điều tốt của phạm tình, người trí phải dè dặt. Lược bỏ yết-ma phi pháp, vì muốn biết nên cho.

Giới thứ bảy mươi tám: Phật ngự tại nước Xá-vệ, có một vị trong nhóm tỳ-kheo sáu vị đánh một vị trong nhóm tỳ-kheo mười bảy vị, bèn la lớn, cho nên Phật chế giới.

Duyên đầu tiên phân biệt với chúng dưới phạm cát-la. Khoa đầu trong phần giải thích thì người phạm tội đọa vì không phân biệt cảnh, nếu trở xuống là y cứ sự phần, phạm tội nặng nhẹ, cả hai khác nhau, trở lại xung đột. Khoa kế, luật Thập Tụng nói mỗi việc đều phạm tội đọa, nếu chấp lấy chỗ bị đánh thì trông mong nhiều người, nếu y cứ vào năng đánh liền theo Sa đạu ít nhiều. Trong phần thứ ba nói y cứ sát tâm muốn đánh chơi thì đồng với xúc chạm, hoặc chỉ tâm sân nên đồng các tội khác. Trong phần thứ tư Luật Tăng-kỳ nghĩ chứa nhóm liền giữ gìn gáp. Trong phần không phạm, cho đến văn lược lúc ngủ thân dựa lên người khác, hoặc lúc đi kinh hành qua lại đụng chạm nhau, hoặc khi quét đất đầu chổi lằm chạm nhau. Khoa đầu trong phần bác bỏ si là cây gây nhỏ. Nhất hóa là các giáo không khai, liền biết Phật lúc còn ở đời không thực hành. Quyển trước là thiên Thầy trò, khoa kế Đại tập y cứ vào năng thuyết pháp giáo hóa thế gian có lợi ích, tuy phá giới không giới tội nghiệp vẫn như vậy. Hướng chi ngoài ra trì giới vốn không ở nơi lời nói, trong tất cả tội, năm tội nghịch nặng nhất, trong năm tội nghịch làm thân Phật ra máu là nặng nhất, làm ra máu một vị Phật đọa địa ngục A-tỳ một kiếp, hướng chi là muôn ức vị. Do tội rất nặng nên đem ra so sánh. Theo Luận Trí Độ ban đầu nêu lên để chế giới, thuận theo tướng thế gian kết giới là chế giáo, tội đời sau tức nghiệp đọa, như dưới đây nêu tướng để chỉ bày. Muốn trình bày đánh bằng roi nghiệp nặng khiến cho người tin dè dặt, khen người nữ là lời nói thô.

Giới thứ bảy mươi chín: Cũng do nhóm tỳ-kheo sáu vị dùng tay đánh mười bảy vị cho nên Phật chế giới.

Tên giới, theo luật Tăng-kỳ thì sáu vị dùng nắm tay đánh vào hông người làm dao, gọi là đánh bắt. Trong phần giải thích đối với giới trước lời sơ; vốn là đánh chằng phải bắt, chỉ đánh nhà phượng tiện kết tội. Vốn là bắt chằng phải đánh, động tâm phượng tiện bắt. Khoa kế luận Du-già nói mỗi mỗi phạm Ba-dật-đề, y cứ về người bị bắt đánh, lại tùy theo gơ tay để nói nhiều tội. Trong không phạm của luật thì nếu có duyên sự phải đưa tay ngăn, xúc chạm, v.v...

Giới thứ tám mươi: Cũng phần do nhóm tỳ-kheo sáu vị dùng tay Tăng Tàn không y cứ chê bai mười bảy vị, nên Phật chế giới.

Trong đó chỉ lược, e rằng quên giới trước lược dẫn duyên thành có tám: 1/ Đại Tỳ-kheo; 2/ Nghĩ là đại Tỳ-kheo; 3/ Bên trong có tâm sân; 4/ Không có ba căn; 5/ Dù chỉ đối một người nói; 6/ Dùng tội Tăng tàn vu khống thêm; 7/ Nói lời rõ ràng; 8/ Người đối diện biết thì phạm.

Giới thứ tám mươi mốt: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, phu nhân Mạt-lợi vâng thờ kính tin Tam bảo, cho Tỳ-kheo tự do vào cung, Ca-lưu-đà-di vào cung, phu nhân ngồi trên giường để lộ thân hình, do đó Phật chế giới.

Duyên đầu, Sát-lợi là hàng trưởng giả trong bốn họ, theo luận thì lúc nhận vị quán đảnh tức rưới nước trên đầu trong giới bốn. Ngoài ra, ba dòng họ cũng như vậy, người lập cũng gọi là quán đảnh, duyên kế đồng ở chỗ đó, y theo sau vua chưa ra xét theo phương tiện ngủ lại trong cung mới phạm. Đã ra ngoài lẽ ra phạm tội nhẹ. Ở Trung quốc, cung vua không cho vào ngay, việc này cũng ít có. Theo số, bốn người vào cửa hạn chế, rất đề phòng mà chế, mới vào đã kết tội, hưởng chi cõi báu. Trong phần giải thích, Túc Tán nói các tiểu vương khác nhiều như lúa thóc. Trong không phạm là nếu có người râu bạch mời gọi, hoặc nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

Giới thứ tám mươi hai: Phật ngự tại nước Xá-vệ, ngoại đạo đi giữa đường dừng nghỉ bỏ quên lại một ngàn lượng vàng. Thấy Tỳ-kheo thấy mang về, khi trả lại bèn nói vàng thiếu, nhà vua xét đoán hình phạt bắt vào cung, do đó Phật chế giới.

Trong phần chánh danh, ban đầu chỉ bày tên có y cứ, luận như sau có dẫn chứng, do đó sau bỏ xưa đã lập, kia chấp duyên khởi, nghĩa là lượm vật bỏ rơi phạm Ba-dật-đề, tay cầm chỉ phạm Đột-cát-la, nên gọi là lượm vật rơi, trong phần duyên khởi của tướng phạm giới này có hai: hễ cầm của báu chỉ có ba duyên ban đầu thứ hai và thứ năm, nếu ở trong xóm làng lượm vật báu của người đánh rơi mới đủ năm duyên, nếu lượm y rơi lẽ ra chỉ mắc tội Đột-cát-la. Ở lại đêm tại Già-lam nơi có cửa báu hay không có cửa báu tất cả đều khai cho nhật. Như dẫn chứng dưới đây, ba chẳng phải trụ xứ chẳng phải già-lam và nơi ngủ lại đêm, nghĩa là không phải nhà thế tục. Trong phần giải thích thứ nhất nhiều bộ luận ban đầu nói của báu thật sự, bảy thứ là vàng, bạc, ma-ni, trân châu, san hô, mã não, xà cừ, trong luật có hồ phách, lưu ly, ngọc bội (luận cói tiền cũng như vật báu). Hoặc dưới đây nói dường như của báu, lấy mắc tội Đột-cát-la luận chép: Vì chứa để cho nên lấy, người không

lấy luận gọi là không nên tự lấy đúng pháp thuyết tịnh (y cứ thì không vì chứa mà cầm nên không có lỗi) văn trên thông với luận chứa cầm, hoặc cầm nắm nói riêng cầm là phạm. Vàng mỏng nghĩa là vật thiếp bên trong, vàng lợng hoặc thiếp hoặc vàng đúc, dường như vật báu, một trăm lẻ một cách cầm nắm đều khai, đã ra bên ngoài đều phạm Đột-cát-la. Trong luật Tăng-kỳ nói ban đầu nói chung về ý chế, biết việc phải khai giáo cũng không cho, hướng chi người khác. Vì vậy nói nhần đến, hoặc dưới đây chỉ bày riêng, cung cấp đầy đủ lại có ba, ban đầu nêu chung cung hội, cúng dường đầy đủ. Người trong tay cầm e tổn hoại, do đó khai cho giúp đỡ. Ở thế gian có người trì giới trong tay cầm tiền rất ngu si, hoặc tẩm trở xuống là nói dục tượng, không được bỏ sau phải bỏ trước vì ý nói lên giúp đỡ người khác.

Trong phần giải thích thứ ba nhiều luận ban đầu nói người nữ trang sức, dưới lụa vật của người nam cầm hai khí cụ âm nhạc cũng phạm Đột-cát-la, cho nên trừ ra. Sáo làm bằng sừng, tráo với mâu của Trưởng giả, hoặc nói sử dụng cùng loại, năng sở đều nặng, luật trở xuống là dẫn chứng luật này tức trong đó không phạm văn và trên trái nhau, cho nên phụ thêm vào. Dưới dẫn luận chứng minh rõ ràng chẳng phải thường khai, giải thích duyên thứ ba, bốn phần trước nói phương tiện trả lại người khác, nói tự cầm y cứ vào đây lợm vật rõ ràng khai cho tự cầm. Hai người đồng lấy nghĩa là hai người đều biết nhậm, ngữ đồng nghĩa là vì cả hai đều tương ứng không do giải thích, nếu khác là không có duyên khởi kết phạm. Theo Tăng-kỳ năm tiết đầu nói nhật y do vật nhẹ nên dừng ba tháng, sau lợm của báu cho nên đợi ba năm, hoặc vật quý, hoặc vật báu, do vật quý này nhiều cho vọng nhận cho nên chỉ chỗ vắng xem khác y trước. Người thọ ba quy do đó tiếp dẫn, mắt thấy không được rõ chẳng phải phần của ông. Như trên nơi chốn tức tùy Phật Tăng dùng, Tỳ-kheo... trở xuống là nói mất vật khởi niệm, nếu tâm xả bỏ sau lấy thì thành ăn trộm. Khách trở xuống là nói dời vật của người, đồ là huấn dời, nói người phạm tội nặng y cứ tâm ăn trộm, sợ kia trở lại lấy cho nên nặng, hoặc vì thân nhận cất giữ tuy dời đổi cũng không có lỗi, kia lấy không có tội, tâm khách không xả vì chủ ý chưa quyết định, hoặc đào lên dưới năm nói lấy của chôn cất, tịnh nhân không đáng tin phải bạch vua: sợ là cáo thủ, trên y cứ không có tên, dưới y cứ có tên, tấn thối như trên, đồng với trước thưa vua vua đáp, v.v... Thành luận đối phá nghĩa khác. Cho nên trước nêu làm câu hỏi, đáp có hai nghĩa, ban đầu nói không thuộc, người cho kẻ mồi côi dùng luận tự dẫn chứng, kia đắc hai quả nên gọi là bậc Thánh, ở Thánh đã

thủ chứng có thể nghiệm không phạm, kể nói lên chẳng phải ăn trộm, dẫn đây để rõ ở già-lam được lấy của trong kho chôn kín dưới lòng đất. Theo Tăng-kỳ chỉ chế phục tàng khai ở chỗ đường vắng, chỉ cho nhật y mà không cầm đồ báu, do không có người ở không sợ người đối xin, nếu sợ hoạn sau không lấy càng tốt. Trong Ngũ Bách Vấn cho là Tỳ-kheo gởi y cho nhà người tại gia thanh tịnh, trong đó không phạm hoặc Tăng-già-lam và ký túc xứ (đây khai lượm vật). Hoặc cúng dường chùa tháp trang nghiêm, các món đồ thân cất (ở đây khai cho lượm vật báu) hoặc y cứ chỗ không có tịnh nhân, hoặc là bộ kế chậm gấp, hoặc tháp miếu sạch, vả lại y cứ theo bốn tông mà khai.

Giới thứ tám mươi ba: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà phi thời vào xóm, cùng với cư sĩ ngồi giường sần, cho nên Phật chế giới.

Nói số có hai ý nên chế, một là sợ làm yết-ma không biết chỗ đến sẽ làm náo chúng tăng, hai là để không được tự do vào nhà người tại gia duyên phạm thứ hai, thưa bạch mời gọi hai duyên không bạch không phạm. Thứ tư giải thích, theo luật Thập Tụng có ba chỗ không bạch, ban đầu tức tăng phượng trong xóm, chú giải vì chùa Ni đồng với nhà thế tục, trụ xứ cũ nghĩa là ở chùa, trong Tứ phần duyên ban đầu giải thích phi thời, không chỉ bày tướng phạm hoặc duyên bạch. Khoa đầu phần thứ ba theo luật Thập Tụng khai bốn phố phường, trụ xứ không có người ra phò cầu, người phát tâm đi, giữa đường lại không nghĩ gấp ở đường lộ, bạch với ba chúng, giữa đường lại không khai loại khác.

Sớ chép: tịnh nhân cũng được biết đến chỗ kia có thể tìm cầu, khoa kia luật Tăng-kỳ ban đầu nói phi thời không cần, trong thời giữa sau cũng phạm gấp ở bốn tông, tác trở xuống là dẫn bày chứng chỉ bày pháp bạch. Theo yết-ma nói: bạch Trưởng lão tôi phi thời vào xóm, đến thành ấp xóm làng kia, nhà nọ (y theo đây mà tụng). Nếu trở xuống là chế chậm trở lại, đường từ xóm làng mà có lỗi, như nay chung phố tiệm, trong đó có tháp miếu không được đi xung quanh, là chế trong khai. Trong phần thứ ba, theo luận Trí Độ bảo ví dụ chung, trụ xứ của tịnh nhân cũng phạm. Hoặc giới nhiếp y của thôn cần phải có nam nữ, đây chế chuyên nhiếp, chẳng do sự chê bai đấm nhiễm, chỉ có người nam cũng phạm. Trong phần thứ tư, theo luật Ngũ Phần khai nạn, tám nạn như thiên thuyết giới trong phần thứ năm luận Tát-bà-đa bạch chung, nên nói rằng: Ta là Trưởng lão phi thời vào xóm, hễ đến chỗ nào (tùy đến nhiều nhà đều được) tương riêng như trên. Trong phần thứ sáu, luận Minh Liễu nói quán lượng được chẳng? Ban đầu là nêu bày việc này

gồm ba việc ở dưới, nghĩa là giải thích có ba, người bạch đồng giới tức tác pháp. Người quán chánh hạnh lượng kia ở làm việc, oai nghi trong luật đắp y ngay ngắn, số dẫn chứng: Sở dĩ khai bạch nghĩa là ở chỗ người chết quán lỗi lầm và hộ pháp, vì thọ y chỉ, vì nói nghe pháp, vì có thực thỉnh vì đều có lợi. Đến chỗ kia nghe phải tránh niếu trời, chợ búa dâm nữ, ngoại đạo chỗ người nữ xuất gia quán sát xa lìa (đây là chánh hạnh). Trong luật lại nói đắp y Tăng-già-lê, v.v... (tức luật oai nghi) trong đó không phạm là như trên chỉ bốn phần ở trước, lược các duyên nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

Giới thứ tám mươi bốn: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di biết từ đường này đi ra bên trái tòa cao đẹp, bạch rằng: “Hãy xem giường ghế của tôi”. Phật quả trách nhân đó chế giới.

Duyên thứ hai, tăng có hai tòa riêng đều phạm, theo duyên làm thành mới phạm. Thời nay ngôi đã thành, theo luật Tăng-kỳ phạm Đột-cát-la, giải thích thứ ba, ban đầu dẫn luật chỉ bày lượng. Phần nhiều luận nói cao rộng đều chế, lớn là cao rộng, lượng như dưới đây, rộng y cứ theo nghiệp số vuông ba khuỷu tay, không vừa chỗ ngôi (năm thước bốn tấc). Văn số lại dẫn kinh A-hàm tám thứ giường tốt đều không được ngôi (vàng, bạc, ngà, sừng trang sức nên tốt đẹp, Đức Phật, thầy, cha, mẹ từ người cho nên thù thắng) tám ngón tay trở xuống là định về số thước, chu vi một thước hai tấc là thước đời Đường, ngoài ra bốn tấc cho đến ba tấc sáu phân làm ba tấc, hơn bốn phân nên nói là gượng. Luật Ngũ Phần tác niệm tức thành trì, thứ hai luật Tăng-kỳ ban đầu nói chế, giường của tăng phạm cũng y cứ làm thành mà nói. Chữ “chi” là vật chống đỡ, nếu trở xuống là nói khai, chú thích nói lễ Phật, thế gian đa số ngôi ghế có thể khai cho chỗ ẩm thấp, các chỗ khác không được, lại chỉ được làm tám tấc không được cao hơn.

Luật Thập Tụng ban đầu nói pháp sám hối đúng lượng tám ngón tay, văn chú giải xem có thể hiểu, thống nhất lượng cao, trong phần thước cao nhất là tám tấc. Bốn nhà hai phân, làm chân một phân làm vật chống đỡ, một phân làm bệ, nói thứ ba không thường chống đỡ. Sau nói lượng rộng, nằm dài hai giường. Giáng xuống bốn năm như mình sáu hạ có thể ngồi chung với người mười hạ, mình một hạ ngồi với người năm hạ, nếu trở xuống năm tuổi không cho ngồi chung, do vì đồng với địa vị Xà-lê. Y cứ luật bốn chế dưới mình ba tuổi vì giường lớn, cho dưới bốn tuổi nên nói giảm không được. Hai là nói giường ngôi, ba là nói cây gỗ chống đỡ, số lượng nên biết.

Giới thứ tám mươi lăm: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị may chứa mền bằng bông Đâu-la-miên, cư sĩ thấy chê bai do sát sinh, cho nên Phật chế giới này.

Đâu-la là tiếng Phạm, nhiều luận nói là tên chung của cỏ, cây, hoa, bông mới, còn dịch là bông trắng, cho nên chế, luận Tát-bà-đa chép: do người giàu cất chứa bị người chê bai, vì còn trùng ưa sinh. Nếu nằm giường mềm ấm, sau được chỗ thô cứng không thể chịu nổi, trong duyên đầu chú giải ví dụ ba vật. Hoa liễu là bông liễu màu đỏ. Bồ đài tức hoa cỏ làm chiếu, kéo ra như đài, tùy địa phương gọi. Thứ ba là làm cho người phạm tội Đột-cát-la, thứ năm làm chứa xong cũng phạm Đột-cát-la, trong phần giải thích chỉ bày tướng phạm và cách sám hối. Không phạm là chẳng phải ba vật trước, hoặc người khác cho, bỏ mình lấy dùng.

Giới thứ tám mươi sáu: Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, có người thợ rất kính tin Tam bảo làm đồ đựng kim bằng ngà sừng, phế bỏ nghề nghiệp không có cơm áo, bị người khác chê bai, nên Phật chế giới.

Nhân duyên đồng với trên, một là ngà, sừng, xương (ba vật tùy đó mà phạm) hai là làm ống đựng kim, ba là vì mình, bốn là tự làm hoặc sai người làm, năm là đã làm xong thì phạm tội. Khoa kể theo nhiều luận có hai ý nên không xếp vào xả, ý thứ nhất rất dễ hiểu, ý thứ hai do xả đọa không ngoài bốn thứ riêng. Một là trả lại cho chủ như dài xa, v.v..., hai là cho người khác như cửa báu, thuốc, v.v..., ba là nhập vào Tăng như xin bát, bốn là chặt phá như tơ lụa, giới này không đồng ba giới trước như văn kể nên đồng với thứ tư nói là phải hủy, nếu như vậy tại sao tơ tằm bông lụa tại nằm trong ba mươi vật? Đáp: Đó chẳng phải vật nhỏ chỉ có ứng một nghĩa phá, đủ hai nghĩa này nên nằm trong chín mươi vật. Trong đó không phạm là ban đầu nói các vật làm ống và chẳng phải ngà, sừng. Hoặc trở xuống nói ngà sừng không làm ống đựng kim nên gọi là bảy mươi vật, văn luật đều dùng chữ “Nhược”. Một đầu tích trượng và khoen vàng, gió lay tiếng khua leng keng của các khoen, hoặc đi có tiếng kêu của vỏ dao kiếm, v.v... vật trang trí, nay gọi là tích trượng, tán sức. Lọng dù, v.v... sáu chữ một chỗ hai vật. Bộ chỉ quy chép: tàn lọng giống như cán dù. Đẩu đầu phiêu cũng tức là trên lọng, đẩu dùng ngà sừng để trang sức (Ký Quy Truyện chép: Tây Quốc, Tăng chúng phần nhiều trì lọng nhỏ). Bốn, triền cái đẩu không rõ là vật gì. Bảy, như ý tức móng gậy dùng để gãi ngứa. Tám, quyết nữu âm quyết, nghĩa là vòng ngọc không nối liền. Thiên hai y nói rằng:

Dùng áo quần thân xong, dùng dây buộc vòng quanh. Chín, chủy tức là cái muống. Mười một, câu y, hoạt âm hoạt, nghĩa là câu ngang trong nữu. Mười hai, luật chép: cái nạo màng mắt, mười bốn là niên lịch, luật chánh viết chữ trích. Mười sáu, Thiên trấn tức khi ngồi thiên dùng trấn đánh.

Giới thứ tám mươi bảy: Phật ngự tại nước Xá-vệ, cho phép các tỳ-kheo làm Ni-sư-đàn, nhóm tỳ-kheo sáu vị làm quá qui định cho nên chế giới.

Trong phần giải thích dẫn luật, ban đầu nói về lượng. Tăng thêm một thước là ban đầu thì thêm một đầu một bên. Nay y theo truyện Cẩm Thông thì cả bốn bên đều phải thêm năm tấc. Chữ văn trở xuống là nói kết phạm. Trong không phạm, đã làm xong là hai món sửa đổi và cho là khi thọ liền khởi ý này. Nói hai lớp là vì quá lượng chồng vải cho bằng, chú giải bác bỏ là phi pháp. Các bộ là Tăng-kỳ, Thập Tụng, v.v... bảy trăm kết tập, Văn luật Tứ Phần trở xuống. Trong pháp sám, sợ người chỉ cắt phần thêm bên ngoài cho nên đặc biệt chú giải. Nếu thêm lượng có quá cũng phải cắt. Theo luận Tát-bà-đa, ngoài lượng ba y kia cần phải thuyết tịnh, không thuyết tịnh quá ngày phạm tội chưa dư.

Giới thứ tám mươi tám: Phật ngự tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo bị ghẻ, Phật cho làm y che ghẻ, nhóm tỳ-kheo sáu vị làm quá lượng, cho nên Phật chế giới.

Ba giới dưới này đều không có duyên khác, nêu trên Ni-sư-đàn, chỉ sửa duyên đầu là khác. Trong chế pháp, ban đầu nói chế dùng. Chữ “đắc” trở xuống là chỉ bày thể y. Mềm mịn là không tổn ghẻ. Chữ “trường” trở xuống là chỉ bày lượng thước. Giới bốn chép: “Dài bốn ngón tay Phật, rộng hai ngón tay”. Trong phần không phạm, ba giới sau đồng với trước, đều không ngoài. Khoa kế, luật Thập Tụng chép: ghẻ phải sạch vì không có nhân duyên.

Giới thứ tám mươi chín: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-xá-khư Mầu dâng áo che mưa, Phật bảo tùy Thượng tọa cho người không đủ, nhóm tỳ-kheo sáu vị làm quá lượng nên Phật chế giới.

Giới trước nói thời tiết cầu dùng, trong luật dài sáu ngón tay Phật tức một trượng hai, rộng hai gang tay rưỡi là năm thước.

Giới thứ chín mươi: Phật ngự tại nước Thích-sí-sấu, Nan-đà thấp

hơn Phật bốn ngón tay, người thấy từ xa cho là Phật, Phật bảo Nan-đà mặc áo đen, nhóm tỳ-kheo sáu vị làm lượng đồng với Phật, nên Phật chế giới.

Chú giải: giới gọi là giới quá lượng ba y. Ba y của luật Tứ Phần là tùy thân cao thấp, chỉ lấy y Phật làm giới hạn. Nếu vậy lượng bát vì sao đồng? Đáp: Vì thể là khác (Phật dùng bát đá), y lượng khác nhau, do thể cùng xen bày đồng khác thì không có lạm. Trong chỉ bày lượng, ban đầu dẫn Luận Tát-bà-đa chỉ bày lượng thân Phật. Luật Thập Tụng trở xuống là gồm hội các văn, chữ “thường” trở xuống là chánh chỉ bày lượng thước, chữ “sự” trở xuống là nói về lược rộng trong số.

THIÊN ĐỀ XÁ NI

1) Phật ngự tại nước Xá-vệ, gặp lúc lúa gạo khan hiếm, có nhiều người chết đói. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc vào thành khất thực cả ba ngày đều cúng dường cho Tỳ-kheo, bèn đổi xỉu bên đường, các cư sĩ biết được chê bai, nên Phật chế giới.

Trong duyên phạm, thứ ba là không bị bệnh. Giải thích, thứ tư đầu tiên là nói thể đồ ăn. Chữ “vô” trở xuống là chỉ bày tướng phạm. Chữ “văn” trở xuống là quyết thông văn luật. Y cứ vào duyên khởi của luật, chính Ni tự ăn mà không nói người khác. Nay y cứ duyên phạm thì cả đều phạm, cho nên nói là thông. Trong duyên đầu, luật Ngũ Phần kết phạm, không giống với bốn tông, kia y cứ duyên khởi, nếu y cứ duyên của Tứ Phần cũng là giữa đường, nhưng kiết giới vốn phải ở nhà thế tục, không thể hòa hợp. Trong phần không phạm, ban đầu khai là bà con. Số chép: “Do ở nhà thế tục nhân tình nương nhau” vì là bà con thì không chê cười. Kế là người bệnh, số chép: “Bệnh là người khổ não thì chê bai hổ thẹn không sinh”. Đặt địa và sai người, số chép: “Kính nhau không dứt” cho nên sau khai. Chữ “đĩ” trở xuống là ba chỗ khai nhận, vì chê bai quá ít.

2) Phật ngự tại nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo và sáu vị ăn ở nhà người tại gia, sáu vị ni đòi cơm canh, đàn việt kể cho sáu vị, nhân đó Phật chế giới.

Duyên phạm thứ hai thuộc về ni. Trong phần giải thích, luật Ngũ Phần nói trong chúng được bất cứ một người nào quở. Không dùng lời: nghĩa là không cần Thượng tọa quở. Luật Tăng-kỳ khai cho ba lần quở, vì sợ thời quá. Số chép: “Nghe quở không dừng, chẳng phải chúng có

lỗi xấu”, nên cho phép ăn. (Tứ Phần nói một lần quở không dừng cũng khai) luật Thập Tụng hai chỗ hỏi riêng là sợ chỗ này không biết. Trong phần không phạm, ban đầu là tác pháp trái với duyên thứ ba. Ni tự làm là ngược với duyên đầu. Nếu đàn-việt trở xuống là trái với cái thứ hai.

3) Phật ngự tại thành La-duyệt, vợ chồng cư sĩ đều chứng Tu-đà-hoàn, không mếm tiếc của cải cúng dường nhiều y thực nên đến nỗi nghèo thiếu, với lấy chê bai nên Phật chế giới.

Sự ít có là phạm phu không dùng, chẳng phải ý của sao cho nên nay lược nói. Năm duyên thành phạm: 1/ Học gia kiến đế (các người phạm khác có lòng tin nên có thể phạm Đột-cát-la); 2- Tăng tác pháp chế (Phật dạy bạch nhị để chế đoạn, cho nên biết không có pháp chẳng phạm). Ba duyên kia đồng giới trước và sau. Không phạm là nếu thỉnh trước, hoặc bình, hoặc nhận từ người khác, hoặc bạch nhị làm phép giải, v.v... Chữ “kim” trở xuống là chỉ bày dặn bảo, cho nên khiến tiết chế ước lượng.

4) Phật ngự ở nước Thích-sí-sấu, trong vườn Ni-câu-luật, có người nữ trong thành mang đồ ăn đến cúng dường, bị giặc chọc ghẹo cho nên Phật chế giới.

Duyên đầu tiên: chỗ hiểm nạn nghĩa là sợ giặc, thứ hai không nói, nói thì chẳng phạm. Phật nói: Nên nói với các phụ nữ: “Chớ ra đường sợ có giặc”, nếu đã ra khỏi thành nên nói: “Chớ đến trong tăng-già-lam (do chùa cách thành xa)”. Ba là không bình, luật chép: “Nếu cố đem đồ ăn đến thì cho phép người bệnh nhận”. Thứ tư, Luật chép: “Nếu có thí chủ đem đồ ăn để dưới đất, hoặc dạy người cho, cả hai đều không phạm”, nên nói là trừ. Không phạm là hoặc đến nhận sự dạy bảo, nghe pháp, tự ăn khiến trao.

THIÊN CHÚNG HỌC

Thiên chúng học Tội không phải mất lượng được, nên nói là “chúng”, dễ phạm khó giữ cho nên khiến “học”, chỉ có thiên này đầu đề khác xa với trước. Ý nói rằng: Các môn là chỉ cho các thiên trên dưới. Mười số là sau giải thích hơn năm mươi điều, đối không các thiên cho nên nói rằng “lại nêu”. Thiên này đã lược người học nhiều mê, hoặc là lúc cần, đâu được không biết, cho nên nay trong kỳ tùy tướng điểm đó, lại giải thích ý chỉ giáo pháp như sơ của giới bốn. Lại các giới

trước đều nêu duyên phạm, riêng giới này không có, do cố lầm đều chế động liền thành phạm, quyết muốn gượng lập chuẩn đủ năm duyên, như nói rằng: 1/ Niết-bàn-tăng; 2/ Biết; 3/ Không duyên (các duyên bình v.v... thì khai); 4/ Không ngay ngắn; 5/ Tùy phạm. Còn bao nhiêu như đây có thể biết.

Giới: Phật ngự tại nước Xá-vệ nhóm tỳ-kheo sáu vị mặc y trong không ngay ngắn, cư sĩ chê bai rằng: “Chẳng khác gì đào kép hát, như vua, quan, Đại thần” nên Phật chế giới. Trăm giới của thiên này phần nhiều ở nước Xá-vệ và do nhóm tỳ-kheo sáu vị tạo ra nên sau không nêu nữa, khi có riêng người tùy theo mà điểm.

Gọi Niết-bàn-tăng thì Hán dịch là nội thuyết, tức là quần do ở Tây Vực phép mặc quần là vấn vải quanh thân lấy dây dài làm bốn vòng rút lại cho ngay thẳng. Phần nhiều làm cho không bằng thẳng, trong đây may quần đều dính luôn đai lưng, nhưng mặc có cao thấp cũng trái luật chế, phải nương theo Mẫu Luận là trên mắt các chân ba ngón tay, tức là ngay ngắn. Trong giải thích không ngay ngắn, phi pháp có bốn: 1/ Cao hoặc thấp; 2/ Thông xuống như vòi voi; 3/ Như lá đa-la, Tây Vực Ký chép: Hình như cây cọ để so hai góc; 4/ Vải nhỏ mịn chống lớp. Chỉ được hai đùi bẹn trước sau là bốn nhiếp, nhiều thì trái. Ngày nay giản đơn, đồng như nữ lưu kia chẳng phải pháp phục của đạo.

Trong phần chỉ bày phạm: Trong đây kết phạm khác với các thiên bởi do khinh thường ư phạm khó giữ cho nên song kết, lầm lại không khai. Ý Thánh rộng sâu, tình thô đầu hiểu nổi, tự chẳng cẩn thận tin sâu thì khó cùng. Sơ chép: Nên sám hối Đột-cát-la, đối thú nói một lần, tội mất oai nghi trách tâm sám hối, các giới sau tướng phạm không khác, cho nên đều đồng. Trong phần không phạm, khi đi nhón ngược gót chân, ngoài thôn không bị người khác chê cười, làm việc ở giữa đường, có chỗ không dấu vết.

- Cư sĩ chê là giống với thế tục không khác.

Đầu nêu tên, chữ Luật trở xuống là giải thích đồng với tướng bốn lỗi ở trên. Nhiếp an duyên là giống cái quần ngày nay. Hoặc nói rằng: Đặt trên cánh tay trái, luật Tăng-kỳ nói đắp y ngay ngắn không được như buộc trực, phải đắp y trùm cả hai vai, hai góc ngay thẳng, khi tay trái cầm không được góc thông như tai dê.

- Chê rằng không biết hổ thẹn, như vua, Đại thần:

Ban đầu nêu tên, chữ “vị” trở xuống là chỉ bày tướng. Luật Tăng-kỳ chép: Nếu gặp gió mưa được hông một bên, vén y bày vai phải vắt qua hông bên trái. Đắp trùm vai là vắt qua bên phải, không thấy khuỷu

vậy. Thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì liền xuống, chữ nhược trở xuống là nói không phạm.

- Giới này đồng với ở trên, chỉ có ngôi là khác:

Giới y quần cổ, (chê bai đồng với trên) nắm góc trên vai quấn quanh cổ.

Giới y che đầu (chê bai rằng: Che đầu như bọn trộm cướp). Trong phần không phạm, đội mũ vào nhà thế tục nên bỏ xuống, lễ Phật hầu người trên đều là tướng khinh mạn, chỉ khi lạnh, bị bệnh, nêu tiêu chuẩn mà khai.

Giới dù đi dù nhảy (chê rằng: Không biết hổ thẹn, vào nhà như chim sẻ nhảy nhót).

Giới ngồi chồm hồm (ngồi chồm hồm, ngã trên đất bày hình ra, vùi lấy chê bai) xương cụt đau, đau trái hông. Không phạm là: Lễ sám v.v... quỳ đồng với ngồi xồm.

Giới chống nạnh (chê rằng: tay chống nạnh như người mới, cười, đắc chí kiêu ngạo buông lung, lại ngồi làm chướng ngại người ngồi gần). Khuỷu tay gập nghĩa là hai khuỷu tay như đồ mòn khuyết. Duyên khai chỉ ở trên tức bị bệnh, vai tay có gẻ, trong chùa tăng, v.v...

Giới lặc mình (chê rằng: Như vua, Đại thần) uốn éo.

Giới tay đánh đàng xa (chê bai giống như trên). Trước khước, khước là sau. Trong phần không phạm: Các duyên khác, hoặc là thú dữ, hoặc gánh nặng. Ngăn dơ tay là suốt ba giới trên, nổi qua là đu đưa hai tay.

Giới che thân (chê rằng: Không ưa che thân như Bà-la-môn) đây là dùng chánh hạnh nêu giới bổn. Như ngay ngắn, im lặng, dụng ý bình bát v.v... hoặc nêu qua hình trạng, theo giới tìm đó.

Giới liếc ngó hai bên (chê rằng: Như người kẻ trộm).

Giới im lặng (chê rằng: Như Bà-la-môn không có chánh pháp). Thí thực như cúng Thánh, chú nguyện, v.v...

Giới đùa giỡn (chê rằng: Không hổ thẹn, cười giỡn như kẻ vượt). Các giới trước đều cho rằng vào xóm, trái vượt oai nghi, không sinh về thế giới lành. Nếu ở già-lam đâu được không như vậy, nhưng duyên khởi ở thế tục, cho nên kết làm giới. Thời khai trong chùa, chẳng phải thường đồ, đâu có ở trong chùa mà cho buông lung, giáo giới luật nghi đều rõ hành oai nghi trong chùa, nghĩa y cứ các giới, trong ngoài không phạm, người học hãy suy nghĩ, chớ cho là không lỗi.

Giới dụng ý nhận đồ ăn (do không dụng ý làm rơi đồ tổn cơm canh, chê rằng: Sa-môn không chứa tâm tham, nhận đồ ăn nhiều, như

lúc lúa gạo đất đỏ).

Hai giới bát bằng đầy (chê bai cũng như trên). Cổ sư nói: “Lìa lỗi thiên tà” nghĩa là bưng bát không ngay. Nay Sư y cứ đồ ăn cho nên nói chẳng đầy.

Giới ăn bình đẳng (cư sĩ cho cơm rồi, vào trong lấy canh trở ra thì cơm đã ăn hết, liền cho canh, lại vào lấy, cơm ra thì canh cũng đã ăn hết, mới chê là giống kẻ đói khát). Chánh cần nghĩa là tùy ăn hết rồi cần thọ thêm, chẳng vì tham mau.

Kế là giới ăn, (chê rằng: Như heo, chó, bò, lừa, lạc đà, quạ).

Giới khua trong bát (chê bai đồng với trên).

Giới tự moi đồ ăn (chê rằng: Sao nói là có chánh pháp mà nhận lấy không nhàm đủ).

Giới dùng cơm che đậy canh (chê là như người đói).

Giới nhìn bát người ngồi gần (thấy người ngồi gần được nhiều liền nói cư sĩ có thưởng riêng, cho nên chế).

Giới buộc niệm vào bát (do ngó liếc hai bên, bát giác người ngồi gần lấy bát giấu).

Ba giới khua bát lớn tiếng, phùng má ăn, ngậm cơm nói chuyện (sự chê cười đồng giới ăn kế).

Giới từ xa ném cơm vào miệng (chê là như nhà ảo thuật). Ăn bị đổ tháo (chê rằng: Như chó, bò, lừa, lạc đà, chim, quạ). Độn má ăn (chê là giống như khỉ ăn). Nhai cơm nhóp nhép có tiếng, húp đồ ăn, lưỡi liếm ăn, ba giới này (cảm sự chê bai như giới ăn đổ tháo ở trên). Nói một nửa ở tay là bên Ấn-độ dùng tay bốc ăn, xứ này bánh trái phần nhiều cũng dùng tay, dầu dùng muỗng cũng y cứ tay mà phạm. Sau nêu các vật khai ở tay.

Chú giải chếp: Không khai rau là vẫn tuy không nói nhưng ý ch-uẩn khai. Mồ hôi khai cho liếm vì chẳng phải đồ ăn.

Giới vung tay (chê là như vua quan Đại thần không có chánh pháp). Tay dơ, chưa thọ thức ăn, hoặc vì bị dính.

Giới lượm cơm đổ (chê là như gà, chim), hoặc tọng lằm, đây nghĩa là tay nắm mà rơi. Đối trước sót, giữ cần phân biệt tướng. Bao nhiêu dư ở tay tức là rơi sót, vung vãi hai bên gọi là vung tay, cầm nắm khiến rơi rớt là tay nắm.

Giới tay dơ cầm đồ (chê là không có chánh pháp, như vua quan, Đại thần), nghĩa là cầm đồ rồi, nếu cầm đồ của Tăng thì chạm đồ tăng ăn, bất luận là tay dơ hay không đều gọi là ác chạm. Trên cổ lá, đây nghĩa là miệng thọ chẳng phải tay cầm.

Giới đổ nước trong bát (do đồ ăn vung vãi, chê là thọ nhiều như người đói).

Ba giới: cỏ sống, nước sạch, đứng đại tiểu tiện (đều chê là như heo, chó, lạc đà, bò, lừa v.v...).

Từ ban đầu đến giới thứ năm mươi mốt đây là nói oai nghi kính tăng (vấn nêu bốn mươi và y quần cổ trở xuống mười điều có riêng ngồi trong nhà người tại gia). Không cung kính gồm nói tám giới. Nói oai nghi kính pháp có năm mươi hai là vắt trái y, năm mươi ba y quần cổ, năm mươi bốn y che đầu, năm mươi lăm là trùm đầu, năm mươi sáu là chống nạnh, năm mươi bảy là mang giày cỏ, năm mươi tám là mang guốc cây, năm mươi chín là đi xe.

Không được dưới tháp Phật v.v... đến ngồi duỗi chân, năm mươi sáu điều nói oai nghi kính Phật. Sáu mươi là ngủ trong tháp. Sáu mươi mốt là cất đồ trong tháp. Ngu giáo thời nay phần nhiều chứa đồ trong tháp điện, mỗi mỗi tùy theo phạm, huống chi lại thêm không biết. Trong phần mang giày cỏ, có năm giới cho nên nói là “các”. Sáu mươi hai là mang giày vào tháp. Sáu mươi ba là cầm giày vào tháp. Sáu mươi bốn là mang giày nhiều tháp. Sáu mươi lăm là mang phú-la mà vào. Sáu mươi sáu là cầm vào. Sáu mươi bảy là giới ăn dưới tháp (ban đầu chế không được ăn dưới tháp, sau khai có duyên cho ăn dưới tháp, nhưng không được làm dơ đất). Nay phần nhiều thấy ở điện Phật lập trai tăng, sau tượng đặt chỗ ngồi, trái, rau rơi rớt ngang dọc làm dơ đất, trái chế tuy nhẹ mà nghiệp ác càng nặng, có ai học rộng biết cao xin mau sửa lỗi, còn những người ngu si đâu đáng nói (trang 331).

Khai hai đầu-đà: hoặc có chỗ bỏ không cho thân đứng lên, cho nên nhóm một bên, gánh thầy chết, v.v... gồm có chín giới. Sáu mươi tám là mang thầy chết. Sáu mươi chín là chôn thầy chết. Bảy mươi là thiêu dưới tháp. Bảy mươi mốt trước tháp thiêu thầy chết. Bảy mươi hai là bốn bên thiêu thầy chết. Bảy mươi ba là khiêng giường, cầm y người chết ngang qua dưới tháp. Bảy mươi bốn là đại tiểu tiện dưới tháp. Bảy mươi lăm là đại tiểu tiện trước tháp. Bảy mươi sáu là nhiều bốn bên. Bảy mươi bảy là cầm tượng Phật đến chỗ tiểu tiện.

Ba khai ấy, tức bịnh như trên phải ở đường này gắng sức kêu. Sau lược sáu giới: Bảy mươi tám là dưới tháp Phật nhả cành dương. Bảy mươi chín là hướng về tháp Phật nhả cành dương. Tám mươi, bốn bên tháp nhả cành dương. Tám mươi mốt là khắc nhỏ dưới tháp Phật. Tám mươi hai là khắc nhỏ trước tháp Phật. Tám mươi ba là khắc nhỏ bốn bên tháp. Tám mươi bốn trong giới ngồi hướng về tháp. (Khoảng cách là có

vật chướng, văn lược). Tám mươi lăm để tượng Phật ở phòng dưới (chế ở nước Câu-tát-la) hoặc có bệnh, hoặc nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, đều khai. Theo người ngồi mình đứng, trở xuống mười lăm giới sau nêu người năng kính.

Trong bốn oai nghi nói chung kính trọng hạnh Tam bảo ở trên. Tám mươi sáu người ngồi mình đứng không được nói pháp cho họ nghe. Tám mươi bảy là người nằm, tám mươi tám là người ở ngay tòa. Tám mươi chín là người ngồi tòa cao. Chín mươi là người đi trước, chín mươi một là người ở kinh hành chỗ cao. Chín mươi hai là người ở trên đường. Chín mươi ba là nắm tay giữa đường (do nắm tay ở giữa đường cản trở nam nữ khác, bị sự chê bai cho nên chế giới). Chín mươi bốn là giới ở trên cây (Tỳ-kheo ở trên cây lớn an cư, ở trên đó đại tiểu tiện, thân cây nổi giận muốn giết chết Tỳ-kheo cho nên chế giới). Chín mươi lăm là giới lấy gậy quấy túi (Bạt-nan-đà để bát trong đây, xỏ vào đầu gậy, quấy trên vai mà đi, cư sĩ cho là quan nhân, đều tránh dưới đường, Phật do đó chế giới). Chín mươi sáu là nói pháp cho người cầm gậy. Chín mươi bảy là nói pháp cho người cầm kiếm. Chín mươi tám là nói pháp cho người cầm mâu. Chín mươi chín là nói pháp cho người cầm dao. Một trăm là nói pháp cho người cầm dùi.

Trong phần chỉ bày duyên có hai: Ban đầu bày duyên bệnh, khai chung có thể thành. Chữ bất trở xuống là kể nói về vua quan, hiển riêng các giới kính pháp. Ban đầu chỉ bày khai, chữ lương trở xuống là nói ý, chữ sơ trở xuống là nói khai chế tùy thời. Kiểm mặc là lê dân, nói mọi người đầu đen là gọi nhân dân.

Trong phần kết lược, ban đầu chỉ rộng. Thông ngoài bộ, Số chép: luật Tăng-kỳ có giới sáu mươi sáu, giới mười tám, Tứ Phần không có. Luật Thập tụng nói giới một trăm lẻ bảy, giới bốn mươi bảy, Tứ Phần không có. Luật Ngũ Phần có giới một trăm, giới bốn mươi bốn, Tứ Phần không có. Giải Thoát giới có giới chín mươi sáu, năm mươi ba, Tứ Phần không có (nghiệm các giới bốn mà tìm). Chữ y trở xuống là kể hiển lược, vả lại cuộc hạn bốn tông, muốn cho dễ thấy, ở đây tuy không dẫn oai nghi trên dưới cũng tự đủ. Dưới đây dặn dò oai nghi. Quyết chánh pháp ấy, xưa nói rằng: “Luật sư Đạo Nghiêm nêu hai mươi quyển, hoặc sợ chỉ răn dè dặt, nghĩa là giải quyết chánh pháp”. Thiên diệt tránh sợ dĩ không giải thích là do tướng tạp khó hiểu, đời mạt pháp ít dùng, đã chẳng phải ý sơ sao cho nên ở đây cắt bỏ, như Tập Nghĩa Sao Giới Số có nói đủ.

